



Câu lạc bộ thơ  
**TÂN HÌNH THỨC**

VẬN ĐỘNG SÁNG TÁC VÀ THẢO LUẬN

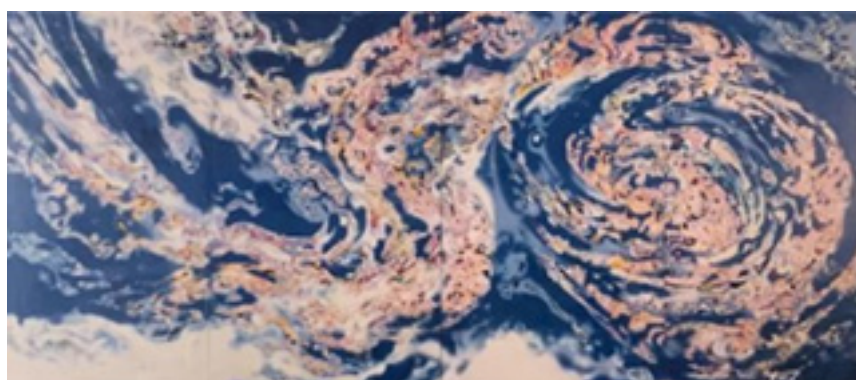
Báo Thơ • Tháng 06 năm 2023 • Năm thứ 2 • Số 8  
Email: tapchitho2022@gmail.com

---

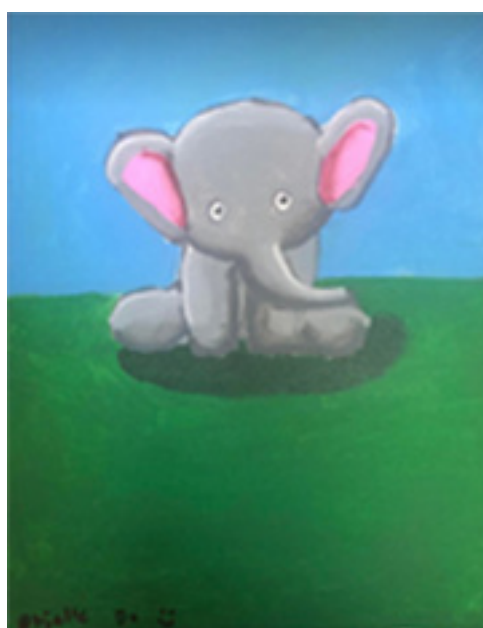
PHẠM TĂNG, CÒN VÀI ĐIỀU MUỐN KỂ

---

MỐI CẢM DỠ LỚN LAO CỦA HƯ VÔ



**Vũ Trụ**  
*Tranh họa sỹ Phạm Tăng*



*Tranh Brielle Do*

## LỜI TÒA SOẠN

---

Tôi mới nhận được tin: nhà phê bình Đặng Tiến (1940-2023) mất vào ngày 17 tháng 4 năm 2023, thọ 83 tuổi. Ông sinh tại xã Hòa Tiến, Đà Nẵng, tác phẩm của ông *Vũ Trụ Thơ* (Giao Điểm 1972); *Thơ, Thi Pháp và Chân Dung* ((NXB Phụ Nữ, 2009). Trước đó là nhà thơ, dịch giả Dương Tường (1932–2023) mất vào ngày 24 tháng 2 năm 2023, thọ 90 tuổi. Ông sinh tại Nam Định. Ông đã tặng tôi 2 tác phẩm, vào năm 2008: *Thơ Dương Tường* và *Đàn, thơ Ngoài Lò*, bao gồm nhiều tranh vẽ.

Một số nhân vật khác mà tôi cũng quen biết: nhà thơ Lê Đạt (1929–2008) mất vào ngày 21 tháng 4 năm 2008). Ông có tặng tôi tập thơ *Ngó Lò* (NXB Văn Học) vào tháng 8 năm 1997. Năm 2008 tôi làm *Tạp chí Thơ*, có đứng ra xuất bản tác phẩm “Từ Tinh Ephen”, vào năm 1998.

Nhà lý luận phê bình Hoàng Ngọc Hiến (1930–2011), khi ông qua Little Saigon, tôi có gặp và rời già từ, đưa ông lên phi trường về Việt nam. Tôi nhớ có tặng ông 2 cuốn sách *Western Civilization*, Volume 1 và 2, tác giả Robert E. Lerner, Standish Meacham, Edward McNall Burns. Ngoài anh Hoàng Ngọc Hiến, tôi còn giữ được cái thẻ do nhà văn Nguyễn Ngọc đưa cho tôi.

Khi còn ở Sài Gòn, trước khi vượt biên, 3 nhân vật nổi tiếng ở miền Nam tôi quen biết là họa sỹ Duy Thanh, Thái Tuấn và nhà thơ Thanh Tâm Tuyên (hai họa sỹ và một nhà thơ). Khi qua Mỹ, làm *Tạp chí Thơ*, tôi lại có liên hệ với 3 nhân vật nổi tiếng miền Bắc, nhà nghiên cứu Hoàng Ngọc Hiến, các nhà thơ Lê Đạt, Dương Tường (hai nhà thơ và một nhà nghiên cứu).

Đặc biệt, tôi có mối liên hệ với nhà thơ Bùi Giáng, qua bài viết về ông, ông đọc trước khi mất, và đã viết thư cảm ơn tôi. Với nhà văn & nhà thơ Mai Thảo, chủ trương tạp chí *Sáng Tạo* tại miền Nam, và tạp chí *Văn* tại Little Sài Gòn, đã đăng và xuất bản tập thơ “Thanh Xuân” của tôi. Riêng nhà phê bình Đặng Tiến, sống ở Pháp, và khi qua little Sài Gòn chơi, đã cùng tôi đi lang thang ngoài hè phố. Ông là nhà phê bình duy nhất kết hợp những tác giả nổi tiếng giữa miền Nam và miền Bắc, đặc biệt là những nhà thơ vần điệu như Xuân Diệu, Huy Cận, Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng ... Ông cũng đã từng viết bài về thơ tự do, Tân hình Thức Việt, nhưng không phải là những dòng thơ quan trọng đối với ông. Còn một nhân vật khác, nhà văn Nguyễn Ngọc, tôi cũng từng quen biết.

3 nhân vật nổi tiếng miền Bắc và 3 nhân vật ở miền Nam có phải tiêu biểu cho 3 miền Bắc Trung Nam. Còn 3 nhân vật: 1 nhà thơ & nhà văn, chủ trương tạp chí văn học nổi tiếng ở Mỹ, một nhà văn ở Hà Nội, 1 nhà phê bình ở Pháp, có phải tiêu biểu cho đất nước Việt Nam?

Cho đến bây giờ, tôi có mối liên hệ mật thiết với một nhà phê bình và 2 nhà nghiên cứu: nhà phê bình Văn Giá, PGS.TS. Trần Hoài Anh, PGS. TS. Nguyễn Hữu Sơn. Thêm một đại biểu thơ Tân hình thức Việt, nhà thơ Hồ Đăng Thanh Ngọc. Cũng vẫn là 3 và 1.

Tất cả đều do tình cờ. Tình cờ cũng là hình thái của thơ.

Cuộc đời có nhiều sự may mắn, ngoài những nhân vật nổi tiếng Việt Nam, tôi còn quen biết với nhiều nhà thơ Mỹ và thế giới, để rồi trở thành dịch giả thơ Mỹ Việt, với tác phẩm “Thơ Mỹ, Một Thời Đáng Nhớ”. Chẳng khác gì những nhân vật đáng nhớ một thời của Việt Nam, vào thập niên 1960s, cả miền Bắc lẫn miền Nam. Và cũng có cuộc đọc thơ do nhà thơ danh dự tiểu bang California Dana Gioia tổ chức, kết hợp giữa hai nền văn hóa Mỹ Việt, vào ngày 20 tháng 11 năm 2016, cùng với nhà thơ Khế Iêm và nhạc sỹ Tina Huỳnh.

Nhưng may mắn cũng đến từ khổ đau. Tôi làm *Tạp chí Thơ*, *Báo Giấy*, báo song ngữ *Poetry Journal In Print*, báo *Thơ*, chỉ còn vài tháng nữa là đã 40 năm. Tất cả đều phải trả giá bằng cả thể chất lẫn tinh thần, gây nên bao nhiêu những ghen ghét, đố kỵ. Điều đó cũng là chuyện bình thường.

\*

Trong *Lời Tò Soạn*, số báo *Tưởng Niệm Nhà Thơ Thanh Tâm Tuyền*, tôi có trích lời nói của Charles Jencks, “Quá khứ như một nửa giấc mơ được nhớ lại”. Điều này nhắc chúng ta nhớ, đã có nhiều bài viết về thơ Thanh Tâm Tuyền, còn truyện ông viết cũng chỉ được nhắc tới như một thông tin, chứ không giúp người đọc hiểu rõ được một số tiểu thuyết của ông, ngoài bài viết của anh Phạm Kiều Tùng, “Mối Cám Dỗ Lớn lao của Hur Vô”. Bài viết này cũng như bài viết của Thanh Tâm Tuyền, “Kinh Nghiệm Sáng Tác Trong Tủ”, đã được đưa lên trang website [www.thotanhinhthuc.org](http://www.thotanhinhthuc.org). Nhưng rồi trang website cũng mất đi, và bây giờ tôi đăng lại.

Tổng cộng một số truyện của Thanh Tâm Tuyền: *Bếp Lửa* (Nguyễn Đình Vương, Sài Gòn, 1957); *Ung Thư* đăng trên *Văn* từ số 31 (ra ngày 1 tháng Tư năm 1965) đến số 62 (ra ngày 15 tháng Bảy năm 1966); *Cát lầy* (Giao Điểm, 1967); *Mù Khơi* (1970); *Tiếng động* (1970); *Một Chủ Nhật Khác* (Văn, 1975). *Khuôn Mặt* (1964), *Dọc Đường* (1967); *Tiếng Động* (1970).

\*

Trở về với hội họa, báo *Thơ* số 5, tháng 09 năm 2022, tôi có đăng một bức tranh trừu tượng xuất sắc của họa sỹ Phạm Tăng (1924–2017), với trích đoạn từ Cục Mỹ Thuật, Nhiếp Ảnh và Triển lãm, thuộc Bộ Văn Hóa. Nhưng vì không có bài viết đặc biệt nào về ông, nên không có số đặc biệt tưởng niệm ông. Bây giờ, tôi mới nhận được bài viết Phan Ngọc Khuê về sỹ Phạm Tăng, từ anh Phạm Hoán. Anh Phạm Hoán là người trình bày bìa cho *Tạp chí Thơ*, số ra mắt vào mùa Thu 1994. Còn anh Phạm Kiều Tùng là một dịch giả, đã từng giúp tôi dịch nhiều bài tiểu luận trên tờ *Báo Giấy*, và ngay cả một số tiểu luận trên *Còn Đường Thơ Toàn Tập* của tôi.

Họa sỹ Phan Ngọc Khuê (1937 –) là nhà nghiên cứu với cuốn sách “Tranh Dân Gian Hàng Trống Hà Nội”, 600 trang với 476 bức tranh được in kèm. “Gần 30 năm nghiên cứu, sưu tầm, tôi mới viết ra cuốn sách này”, họa sỹ Phan Ngọc Khuê nói, “Trước khi cuốn sách được ra mắt, tôi đã viết hàng trăm bài báo. Nhưng việc làm đó như muối bỏ biển. Vì ngay cả những họa sỹ, người làm nghiên cứu cũng không phân biệt được tranh Hàng Trống khác tranh Đông Hồ và những dòng tranh khác ...” Theo An Như (Thế Thao & Văn Hoác), Dân Việt.

---

### Ghi chú

\* Bức tranh “Vũ Trụ” của họa sỹ Phạm Tăng được giải thưởng của tổ chức Unesco năm 1967.

## PHẠM TĂNG CÒN VÀI ĐIỀU MUỐN KỂ ...

---

P

*Ai nào hiểu được nỗi lòng cho ai !*

pnk

Với mấy người vẫn tới lui hoặc điện đàm, có lẽ anh Phạm Tăng chỉ còn hai hay ba đứa tụi tôi để có dịp giải bày tâm sự cho vơi nỗi buồn lúc cuối đời. Bây giờ nói ra điều đó dễ bị chụp cho cái thói thấy sang bắt quàng làm họ ... bởi tụi tui hơi bị vô danh, vô giá nên chỉ muốn ký bằng họ là Nguyễn, là Phạm, là Phan ... còn tên thì xin miễn.

Đau lòng là lúc anh vĩnh viễn ra đi, lũ chúng tôi, do tuổi tác với thân xác mỗi mòn, thời tiết khắc nghiệt ... nên không đứa nào tới được để đưa tiễn anh, chia buồn cùng chị và tang quyến!

Sự thể anh ra đi là mang lại bao đau buồn, thương tiếc nơi những người thân ... Nhưng xin thành thực thú nhận là lũ tôi, khi trao đổi với nhau, đều có lời mừng cho anh! Xa lìa cõi tạm này vào lúc này như vậy là anh đã thoát ra khỏi cái vòng ‘sinh diệt, hữu hạn chật hẹp’ mà anh không ngớt bực bội than phiền cùng bạn bè xa gần ...

Tò mò, hỏi anh về nguồn gốc phương pháp tạo hình độc đáo đã làm anh nổi tiếng từ lúc sống ở Rôma. Anh đáp: do học bổng nghèo nàn, nên phải tá túc ở trụ sở của giáo phận Phát Diệm và Bùi Chu tại Rô-ma. Ở đây anh thường đùa rỡ đối nghịch với tư tưởng, lý luận của mấy ‘ông cha nhà thờ (linh mục công giáo) ... để rồi có thói quen suy nghĩ sâu trước khi hành động. Và từ đó nảy sinh phương pháp tạo hình khác người ... nhái theo Hóa-công

Nói đùa, nhưng mà là nói rất thật, rằng anh đã khám phá ra những mâu thuẫn tàn nhẫn hằng có trong cõi sống chung quanh từ khi anh chập chững bước vào đời qua cánh cổng trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Đông Dương ... Rồi tới khi đã trưởng thành về mặt nghệ thuật, đã thành danh ở thủ đô Rô-ma của nước Ý-đại-lợi, đã khẳng định được con đường sáng tác của mình là con đường sáng tạo tự do như của Thượng Đế, của ông Trời ...! ‘ Tôi thường đùa với mấy ông linh mục rằng tôi muốn bắt chước ông Trời khi ông ta sáng lập vũ trụ với muôn loài ... theo như sách ‘Genèse (sáng thế ký) ...’

Anh giải thích: ‘Nghệ thuật hội họa của tôi là đường nét, là màu sắc do chúng tự sinh ra trong tự do chứ không bị tạo thành trong gò bó, không bị sao chép theo những khuôn mẫu đã có, đã thấy ... Cứ như thế, tranh tôi sáng tác, không ép người xem phải cảm thấy, cảm nhận đúng theo những gì tôi muốn ... y như khi đứng trước thiên nhiên của tạo hóa, mọi người đều tự do cảm xúc tùy theo mỗi nhãn quan, mỗi trình độ ... Người nhìn ngắm tranh của tôi được tự ý tham gia vào sự sáng tạo của bức tranh ... theo ý niệm, trình độ kiến thức và sức tưởng tượng của mình ...’

Phạm Tăng phủ định: “Những bức tranh tôi vẽ hồi ở trong nước không do tôi sáng tác, vì đó chỉ là nhai lại những gì phương Tây đã nhả ra theo thầy này, thầy nọ, theo trường phái này, trường phái nọ đã có, đã nổi danh, nghĩa là đã được công nhận như với những ‘môn bài’ đã được cấp bởi phương Tây ...! Những người đã sắp nghệ thuật hội họa của tôi theo một môn phái, hoặc tự đặt cho tôi một môn phái mới ... đều không hiểu thấu được ý niệm, tâm thức tự do sáng tác của tôi. Tôi không hề mưu tính lập một môn phái nào, dù là nó là tiên tiến, hiện đại hay hậu hiện đại ... Một chiếc lá, một bông hoa trên cành, hay đã rụng xuống ... thì đường nét của chúng, màu sắc của chúng lúc đó là theo trường phái nào vậy ?!”. Bởi thế tranh của tôi là một tiến trình thai nghén, là engendrer, chứ không phải là tạo thành ... như không biết trước nó sẽ có những nét cong, đường thẳng như thế nào, những sắc màu nguyên chất tinh khiết hay cuốn quyện, pha lẫn, nhạt nhòa vào nhau như thế nào. Chúng không bị áp đặt đâu là trên, đâu là dưới, đâu là đầu, đâu là đuôi ... Chúng tự bùng phát, biến hóa ra theo một trình tự tự do như tình cờ mà lại y như là theo một qui luật rất lô-gích, rất tuần hoàn ... như do một sắp đặt khéo léo của hóa công, của ông Trời. Hóa công ấy, ông Trời ấy là Tôi!”

Với đỉnh cao hội họa Phạm Tăng

Giải thích tới đó, Phạm Tăng cười, cười lớn tiếng, cười hồn nhiên vui tươi như đứa trẻ đang nô đùa thỏa thích. Đúng là lúc ấy, Phạm Tăng nói đùa, nhưng lại là lúc thực lòng nói thật suy tư của anh!

“Nghệ thuật hội họa khác người của tôi là do phương pháp tạo hình, tạo màu ngẫu hứng, dành phần lớn cho một tự do tự tác thành theo hứng tung hoành của khối óc và bàn tay, không cân lượng, không thời lượng ... Tôi chỉ là kẻ đắp, dán để những màu nguyên chất và vỏ trứng gổ chồng lên nhau... Đến khi các chất liệu ấy đã khô cứng, gắn kết chặt với nhau thì tôi dùng sự chà sát của bàn tay, cứ mài mài ... lúc nặng, lúc nhẹ, để những chất liệu vô tri ấy bỗng lộ diện ra bởi một sinh lực huyền bí, màu nhiệm, hài hòa, mỹ thuật ... mà chính tôi cũng không thể ngờ kết cục là như vậy ! Tôi coi phương pháp đó là sự thai nghén ra tác phẩm, ra đứa con tinh thần nghệ thuật của tôi. Ước muốn của tôi là thử nắm bắt, lưu giữ lại một khoảng khắc nhỏ lúc ‘big bang’(đại bùng nổ) ... nhỏ tới mức không thể cân đo, đong đếm được, nghĩa là phi vật chất, không giới hạn trong thời gian, không gian... với muôn hình, muôn màu của vũ trụ lúc sáng thế (genese) ... Đây là một lát cắt của những hạt li ti vô cùng nhỏ (infiniment petit)... chúng sinh thành trong cái vô hạn bao la (infiniment grand ...)”. Đây là trò vui đùa của Hoá Công và của ... Tôi”.

Phạm Tăng thổ lộ trong đời anh có hai niềm vui thông khoái là hai mối tình tuyệt đối ... nhưng rồi cả hai đều đã tan vỡ đau đớn bởi ngoại tâm, ngoại cảnh, tức là không do anh quyết định ... nhưng chúng đã để lại trong tâm hồn anh một vết hằn, một cái sẹo cô đơn không thể nào xóa đi hoặc an ủi xoa dịu ... Đó là mối tình với hội họa và mối tình với người yêu đầu đời của anh. “Tôi đến với hội họa như kẻ ăn xin, muốn học một nghề mà tôi thích để sinh nhai ... như mọi họa sĩ khác...chưa có gì là đáng kiêu hãnh, nghĩa vẽ để kiếm ăn, chứ chưa có được phong cách sáng tác gì tiêu biểu để gọi là thành danh. Còn về thơ thì thật ra chỉ là thú vui vụng về riêng lẻ để tự than thở với tôi mà thôi. Có người nói hội họa của tôi là bài thơ ca ngợi vũ trụ, còn thơ của tôi thì lại là bức tranh đầy màu sắc ... Đây là họ đã quá khen. Bởi chán nản cuộc đời nên tôi làm thơ ... Bởi thất vọng cuộc đời nên tôi đã bẻ cọ, không vẽ nữa.

Rất nhiều người muốn tìm hiểu tại sao Phạm Tăng, sau bức họa ‘vũ trụ’ có ký rõ niên biểu 1976, và rồi từ ấy anh không còn sáng tác nữa ... thỉnh thoảng chỉ vẽ vài bức chân dung vì nề tình mà thôi ...

Tôi đã cố cật vấn trong những lúc tâm sự vụn với anh để tìm hiểu tại sao anh không sáng tác nữa. Thoạt đầu anh giải thích rằng với bức tranh mà người ta đặt tên là bức ‘vũ trụ’ ... thì anh coi như đã đạt tới đỉnh của phương pháp tạo hình ấy, nên không còn có thể sáng tác ra một tác phẩm hay đẹp hơn thế. Tôi phản đối và không chấp nhận lối giải thích cái lý do khiến một họa sĩ ngưng sáng tác ... như vậy.

Cho tới một hôm, khoảng cuối thu 1981, Linda Lê, một nhà văn nữ Việt kiều bắt đầu nổi tiếng trên văn đàn Pháp với cuốn *L'évangile du crime* (Thánh kinh của tội ác), tìm đến xem tranh của anh ... Lúc đó anh còn đang ngụ tại căn hộ ở quận 13, Paris. Linda Lê đã mê tranh của anh, đã tặng anh cuốn Solo (cô đơn) vừa mới xuất bản. Nàng như đã tìm thấy nơi anh một tâm hồn đồng điệu trong nỗi cô đơn ... Bởi nàng cũng đang sống trong day dứt sau khi phải bỏ nước ra đi ... Và anh đã cao hứng làm bài thơ ‘Solo’ để tặng người bạn trẻ mới quen mà đã trở thành tri kỷ. Anh đã đọc bài thơ này cho tôi nghe và giải thích rằng quả thật hai tâm hồn, tuy cách nhau về tuổi tác nhưng gần nhau về tâm sự ... Bài thơ kết thúc với hai câu:

Người buồn nhân thế thê lương  
Kẻ đau đất nước đoạn trường như nhau.

Nghe vậy, biết vậy, không mấy chú ý tới ở anh, nỗi ‘đau đất nước’ nó ‘đứt ruột’ tới mức nào. Nhưng rồi sau, bà chị của ‘mối tình đầu’ sang Paris thăm anh, rồi mang một số bài thơ của người em về, về Hà Nội, lo xuất bản thành tập ‘Thơ Phạm Tăng’. Nhưng nhà xuất bản Văn Học đã bỏ hai câu cuối trong bài thơ đó, nên anh bức mình giải thích: ‘Họ không hiểu nỗi nỗi đau đất nước đã khiến mình không còn hứng để mà sáng tác nữa ...’ Đây là thứ nhì, Phạm Tăng cho biết thêm một trong những nguyên do đã làm anh mất hứng sáng tác!

Nhân đây, cũng xin nói thêm một chi tiết về tập thơ Phạm Tăng, để hiểu rõ hơn về tính cao kiêu vời vợi của anh. Trong bài ‘Rõn Trời’ ở trang 77, có một câu đã bị sửa khi xuất bản tại Hà Nội, khiến anh bức mình. Vì lời sửa đã làm mất hết ý nghĩa tư duy đùa nghịch vô thần của Phạm Tăng. Lời sửa là:

‘Đạo này, thuyết nọ, không’ qua lỗ mồm

Nguyên bản là :

Chữ Lờì dẹt gắm thêu hoa  
Nho, Công, Thích, Mác chẳng qua lỗ mồm

Anh giải thích chữ ‘Lờì’ viết hoa là dịch từ *Le Verbe* của sách Sáng Thế Ký (Genese) của Do Thái giáo và Thiên Chúa giáo ... Có cuộc tranh cãi rằng sách này cũng chỉ là do con người (lỗ mồm) nói ra mà thôi ... tức là ông Trời cũng chỉ là do con người bày ra khi đặt tên kẻ tạo ra vũ trụ là ông Trời ... Sách ấy nói rõ khi người trông thấy con gì, vật gì thì đặt tên cho nó là con ấy, vật ấy ... Đây là lập luận đùa nghịch khích bác nhái lại mấy linh mục, bạn anh ở Rô-ma ... Tức là Nho giáo, Công giáo, Phật giáo, Cộng sản (Mác-xít giáo) cũng chỉ là trò bày đặt của con người ... Thế nên buồn đời anh làm thơ trách giỡn trời là Mây cứ y cũng có lúc buồn muốn khóc ...

Mỗi khi vương núi, Mây (viết hoa) buồn lại mưa!

Càng về sau, anh càng cho biết thêm tâm trạng hụt hẫng của anh sau biến cố 30 tháng Tư năm 1975. Bởi sau ngày ấy, có tin gia đình anh ở VN gặp đủ thứ khó khăn, nên nài nỉ anh phải làm sao vận động đưa cả nhà gồm anh em và bố mẹ ra sống ở nước ngoài. Lúc ấy, anh còn đang sống tại Rô-ma, danh tiếng đang vang dậy, lại thêm bà vợ người Ý thuộc gia đình vọng tộc, nên anh đã nhờ bộ ngoại giao Ý can thiệp hữu hiệu để đưa cả gia đình sang Ý, rồi sang Mỹ ... Đây là điều có thể là đáng mừng, nhưng với Phạm Tăng thì đây là một nỗi đau khôn nguôi, vì hòa bình đã tới quá thâm với đất nước làm anh vỡ mộng phũ phàng!

Ít ai hiểu được lòng yêu nước, thương dân của Phạm Tăng nó nặng tình nghĩa đến mức nào. Với ai, dù thân hay sơ giao, anh cũng thường khoe gốc gác thuộc về hai nhà nho tiết tháo của vùng đất Yên Mô, Ninh Bình là cụ Phạm Bành, với cuộc khởi nghĩa Ba Đình, sau bị Pháp bắt, cụ đã tự vẫn trong tù. Còn cụ Phạm Thận Duật thì cũng vì kháng Pháp nên bị đưa đi đày ... nhưng cụ chết trên tàu ... và bị thủy táng, nhưng anh tin là cụ đã tuần tiết trên đường lưu đày ... Riêng anh, thì lúc còn niên thiếu, cũng từ bị cò Arnault tát tai và giam tại bót Hàng Trống, ven Hồ Gươm ... Thật sự là anh Phạm Tăng có một mối thâm thù với thực dân Pháp, do vậy mà anh từ chối không muốn bạn bè tổ chức cho anh một cuộc triển lãm tại Paris ... Đó cũng là thêm một lý do khiến anh không thể sống vui ở đất Pháp. Anh thú nhận cuộc đời anh là một chuỗi mâu thuẫn bất hạnh ... do tính cao ngạo của anh trước những nghịch cảnh đau đớn ...

Nhớ lại lúc đang cao hứng vẽ tranh cổ động tham gia kháng chiến ở vùng Nam Định thì được anh Lưu Quyên, một người bạn anh rất mến phục vì tính tình ngay thẳng ... đã nhắn tin ‘đảng’ đang bắt đầu phát động phong trào chỉnh phong, loại bỏ thành phần tiểu tư sản ra khỏi hàng ngũ kháng chiến ... và khuyên anh nên ‘dinh tê’ vào Hànội y như mấy văn nghệ sĩ ‘tạch tạch sê’ (tiểu tư sản) khác. Lại thêm lòng oán giận trường hợp không dám dùng thuốc cao cấp để cứu mạng sống của một đứa em (do chính bs Nguyễn Danh Đàn thổ lộ) ... Nên anh quyết định dinh tê theo ngả Phát Diệm ... nơi anh làm quen với mấy linh mục công giáo ... (để sau này lại có dịp gặp và sống với mấy tu sĩ ấy tại ở Rôma ...) Rồi sau đó là gặp gỡ mối tình đầu lí tưởng và người yêu sau cũng bỏ gia đình theo anh di cư vào Nam năm 1954. Tại Sài Gòn, mối tình đầu ấy đã tan vỡ rất đau đớn vì cái tính đam mê bướng bỉnh của anh. Đây là lần vỡ mộng lớn nhất đời anh.

Vào Sài Gòn, do bạn bè lôi kéo, anh làm việc cho một hãng dầu lửa với lương cao và gia nhập nhóm làm tờ nhật báo Tự Do với nhà thơ Hà Thượng Nhân, nhà văn Nguyễn Hoạch, nhà báo Như Phong ... Lúc đó anh vừa có danh, vừa có tiền ... Anh nổi tiếng nhờ mấy bức hí họa rất sâu sắc ... được độc giả bình bàn vui vẻ. Tôi nhớ rất rõ vài bức hí họa đó, như bức vẽ lãnh tụ cs Hung-gia-lợi Imré Nagy bị thòng lọng treo cổ dưới cái lưới liềm, khi Hồng quân Xô-viết tràn vào Budapest để đàn áp cuộc nổi dậy ... Một bức khác rất khôi hài là cảnh một bộ đội cs đội nón cối gầy ốm tong teo, đu bám dưới tàu lá đu đủ mà lá không gãy ... Bức thứ ba thì thật là có ý nghĩa mỉa mai hết cỡ chế độ cs với ba bức tranh cùng một cảnh ngộ, cùng một câu hỏi ‘Tại sao anh bị giam ở đây?’ : người bị nhốt đáp : ‘Tại tôi chống Cao Cương!’ . Bức thứ hai thì lời đáp là: ‘Tại tôi ủng hộ Cao Cương!’; lời đáp ở bức thứ ba là: ‘Tại tôi là Cao Cương! Ghi chú: Cao Cương là nhà bất đồng chính kiến với đảng cs Tàu ...!’

Lúc cuối trào tởng thống Ngô Đình Diệm, tờ Tự Do bị coi là có xu hướng chống đối, nên bị cải tổ, và có vài người bị tạm giam để điều tra, trong đó có Phạm Tăng ... Sau tất cả bị đưa ra tòa và anh được trắng án. Có tin là tại anh là tác giả bức hí họa số báo xuân với quả dưa hấu bị ba

con chuột đang đục khoét ... mà lật ngược bức tranh là thấy rõ có hình nước Việt, chữ S. Thực ra anh không phải là tác giả bức hí họa ấy. Nhưng bạn bè và anh thấy vẫn bị theo dõi. Nhân có học bổng cho sang Ý để quan sát về hội họa Ý. Bạn bè đẩy anh đi. Học bổng ấy chỉ cấp từng năm, nhưng anh không muốn về ... nên cứ mỗi năm lại phải ghi tên để xin học thêm một môn khác ... Lần lượt anh học về trang trí kiến trúc, trang trí nội thất, vẽ hình mẫu dụng cụ, vẽ thời trang ... phảng phất nét trang trí ...

Nhưng anh không ưa những phương pháp vẽ hàn lâm máy móc ấy. Anh cố suy nghĩ tìm tòi để có được một phương pháp tạo hình mới mẻ, và anh đã tìm thấy nó khi thử kết hợp hai phương pháp sơn dầu của phương Tây với phương pháp sơn mài của ta ... Anh đã say mê phương pháp tạo hình mới mẻ ấy. Những bức tranh không đề, không khung, không đầu, không đuôi ấy đã được giới hội họa Ý đón nhận nồng nhiệt với những lời ca ngợi của những nhà phê bình có uy thế nhất tại Ý và trên thế giới. Vẽ xong bức nào là có tay tài phiệt Ý tới thỉnh đi ngay. Anh bắt đầu thử tài với những cuộc triển lãm ở Bỉ, ở Brazil, ở California, ở New York ... Có lần anh chỉ được cho triển lãm ké với một họa sĩ nổi danh khác, nhưng rồi báo chí chỉ nói về mấy bức tranh của anh mà quên hẳn vị họa sĩ nổi danh kia. Rõ ràng là anh đang trên đường thành công, thành danh vang dậy ...

Nhưng sau thì bỗng nhiên anh đã rời bỏ tất cả, bỏ vẽ, bỏ nước Ý ra đi ... Tại sao?

Anh đang sống trong một thứ lâu đài huy hoàng của gia đình bà vợ Ý, ngay giữa thủ đô Rô-ma. Anh đang hăng say sáng tác. Nhưng có lẽ ông Trời đã ghen tức với anh? Bỗng bà vợ qua đời vì bệnh nan y. Đứa con gái duy nhất của anh cũng bị khủng hoảng tâm thần nặng. Rồi lại xảy tới ngày Sài Gòn thất thủ ... gia đình anh ở quê nhà kêu cứu ... Hai biến cố động trời ấy đã đón ngã tính kiêu hãnh của anh. Anh cảm thấy danh vọng tiếng tăm của anh chỉ là thứ phù du ... anh không còn muốn gặp gỡ ai nữa. Chung quanh anh chỉ toàn là xa lạ ... Thiên hạ muốn khai thác anh, chứ không chút thân tình. Muốn có một bạn tri âm để tâm sự cũng không có. Để giải khuây, anh qua Paris, nơi anh gặp nhiều bạn bè Việt. Anh tìm thấy ở đây một sự đầm ấm, thân cận y như ở quê nhà ... Và anh quyết định rời bỏ Rô-ma!

Ở Paris, anh tìm thấy một thú vui rất bình dân của dân Paris: thú đánh cá ngựa, rất hợp với đam mê đồ đen của anh. Ở Paris có hàng chục tờ báo chuyên bình bàn về các độ cá ngựa diễn ra hằng ngày trên lãnh thổ Pháp. Nghiên cứu về các độ cá ngựa là cả một thứ tìm tòi thông minh nên nó giúp anh quên mọi nỗi u buồn ám ảnh...và rồi anh trúng lớn ...! Anh mua nhà ở quận 13, ngay giữa hang ổ của Việt kiều. Tại đó, từ đó bạn bè đến với anh nhiều vô kể. Những bạn cố tri ở trong nước mỗi lần qua Paris đều tới ở nhà anh. Tại đây, tôi đã gặp các văn, thơ, nghệ sĩ nổi danh như Huy Cận, Xuân Diệu, Hữu Ngộ, Phan Kế An ...

Nhưng rồi cá ngựa đã từ từ phản anh, lấy lại những gì anh đã được ... Lúc này ở quê nhà đã bước vào thời 'đổi mới', văn nghệ sĩ trong nước nay có tiền rủng rỉnh, sang Paris họ ở khách sạn, ít còn tới anh ... Khi anh lập gia đình và dọn về khu ngoại ô Bonneuil thì bạn bè lại càng thưa đi nhiều.

Buồn tình đời anh chỉ còn thú vui cá ngựa, lai rai làm thơ và hút thuốc lào ... cũng may là vào buổi chiều của cuộc đời anh may mắn có được bà vợ đài các đang chăm sóc anh ... trong khung cảnh gia đình nhưng lựa đầm ấm. Nhưng rồi chung số phận của mọi tuổi già, anh chị và



anh phải vào sống tại bệnh viện lão khoa Charles Foix. Rồi anh lặng lẽ ra đi ... và tro tàn đành tạm gửi lại quê người.

Tôi nói tro cốt của anh tạm nằm lại quê người, vì tôi biết rõ chính anh đã mưu tính về sống vĩnh viễn tại nơi đất quê cha Yên Mô, nơi anh đã chỉ cho tôi thấy rõ trong ảnh, căn nhà họ tộc của anh nay chỉ còn lại cái nền gạch trơ trọi.

Năm 1994, sau khi về thăm lại thôn cũ, vườn xưa, anh đã vui mừng khoe với tôi rằng khi tới thăm chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình, ông này đã hứa sẽ giúp đỡ, nếu anh muốn, thì sẽ dành một căn nhà cho anh làm nơi lưu niệm một số tranh tiêu biểu của hội họa Phạm Tăng, đưa con danh tiếng quốc tế của đất Ninh Bình.

Sau đó về lại Paris, anh hăng hái chuẩn bị một hồ sơ về hội họa Phạm Tăng mà trọng tâm là bức danh họa ‘vũ trụ’ cùng một album video ghi lại hầu hết các bức tranh hiện đang do mấy tài phiệt Ý lưu giữ ở Rôma. Album video này sẽ do anh Huỳnh Tâm và tôi qua Ý cùng anh để ghi hình ... Anh còn có dự tính sẽ chuộc lại vài bức để cùng mang về nhà lưu niệm ở Ninh Bình. Trong khi chờ đợi đi Ý, anh Huỳnh Tâm và tôi đã ghi hình những gì anh đang giữ ở Bonneuil ... để hoàn thành nòng cốt cho cuốn Album sẽ xuất bản trên giấy, cùng với một đĩa video.

Rồi anh đã trở về thăm quê hương một lần nữa và là lần chót. Sau đó trở lại Paris, anh buồn bực báo cho tụi tôi biết, anh đã bỏ ý định lập nhà lưu niệm hội họa Phạm Tăng tại Ninh Bình. Trước thắc mắc của tụi tôi, anh kể: lần này về gặp lại chính quyền, thì chủ tịch UBND tỉnh là một người khác. Khi gặp, anh có nhắc tới dự án lập nhà lưu niệm ... thì ông chủ tịch nói rất cửa quyền nguyên văn như sau: “Việc ấy chưa gấp, cứ thủng thủng rồi ta tính. Xin lỗi anh vì hôm nay công việc rất bẽ bộn, nên tôi chỉ có thể tiếp anh trong mười phút thôi!”. Anh Phạm Tăng cụt hứng đành chào và cảm ơn xã giao ông chủ tịch vì đã dành thời giờ quý báu để tiếp anh. Sau đó về Hà Nội, kể lại cuộc gặp gỡ kia, thì anh em văn nghệ sĩ khuyên anh nên bỏ ý định mang tranh về tặng tỉnh Ninh Bình, vì bây giờ người ta chỉ lo tính tìm cách để ra công việc để làm ra tiền thôi ...

Theo tôi thì tỉnh Ninh Bình đã bỏ lỡ cơ hội để được lãnh nhận bức danh họa Vũ trụ’. Vì đây là một tác phẩm kiệt tác, một đời đại họa sĩ chưa chắc có thể thực hiện được một tác phẩm như thế. Các nhà phê bình hội họa thế giới đã ca ngợi nó như một đỉnh cao của nghệ thuật hội họa. Nó sẽ là cái đỉnh của một viện bảo tàng quốc gia y như bức La Joconde đối với viện bảo tàng Le Louvre của nước Pháp ...

Kể thêm về anh Phạm Tăng như vậy, tôi nghĩ đây không còn là chuyện riêng tư. Vì đây là một vấn đề liên quan tới một kiệt tác xứng đáng được coi như một di sản của quốc gia (patrimoine).

P.

## MỐI CẢM DỠ LỚN LAO CỦA HƯ VÔ

---

Phạm Kiều Tùng

Tất cả những chữ in ***ngiênng đậm*** là trích từ những tác phẩm của Thanh Tâm Tuyền.

*Ung Thư, tác phẩm chưa hoàn tất của Thanh Tâm Tuyền, đăng trên báo Văn từ số 31 tới số 62, chưa in thành sách. Bên cạnh Chú thích số 12 có ghi V39/87-UT 95: là đoạn dẫn này trích từ báo Văn số 39, trang 87; tức trang 95 trên tổng số 302 trang Ung Thư đăng trên báo Văn. Nếu người đọc merge tất cả các trang Ung Thư trên báo Văn theo thứ tự thành một file pdf duy nhất, thì việc định vị những trích dẫn sẽ dễ dàng, nhanh chóng hơn là tìm kiếm trên từng số báo Văn.*

Của Thanh Tâm Tuyền, ba cuốn truyện *Bếp Lửa*, *Ung Thư* và *Cát Lầy* là một trilogy với chủ đề là vực thẳm Hư Vô mà những nhân vật chính của ông bị cuốn vào. Khung thời gian của *Bếp Lửa* và *Ung Thư* là khoảng một thập niên trước hiệp định Genève 1954 chia đôi Việt Nam, của *Cát Lầy* là khoảng một thập niên sau 1954. Không gian của *Bếp Lửa*: miền Bắc Việt Nam, chủ yếu là thành phố Hà Nội; của *Ung Thư*, là cả hai miền, nhưng chỉ tập trung vào hai thành phố Hà Nội và Saigon; của *Cát Lầy* là miền Nam, chủ yếu là thành phố Saigon và phụ cận như châu thành Thủ Dầu Một.

Nhân vật chính của *Bếp Lửa* là *Tâm*, xưng “tôi” trong truyện. Thanh Tâm Tuyền: ***“Trong nhân vật có thể có những mảnh của tác giả nhưng không bao giờ là tác giả hết ... trong ấy (trong Bếp Lửa) tôi cho nhân vật mượn cả tên tục tôi (Tâm) và nhiều hoàn cảnh tôi đã sống”*** [1].

Nhân vật chính của *Ung Thư* là những *Đồng, An, Thạch, Cảnh*, những thanh niên trí thức mang nặng những khắc khoải, dằn vặt về thời cuộc, chính trị. Có nhiều “mảnh của tác giả” cũng như “của bè bạn tác giả” trong những nhân vật này.

Nhân vật chính của *Cát Lầy* là *Trí*; cha của Trí nổi điên, một đêm ***trong giờ giới nghiêm, ông phá cửa, chạy ra sông nhảy lội về phía đồn Tây. Súng trên bốt bắn xuống. Đầu ông nổi đập đình trong vùng đèn pha sáng quắc lơ lơ ... Xác hai ba bữa sau, nước rút trôi tấp vào con lạch sau nhà*** [2]. Trong đời thực, thân sinh của tác giả *Cát Lầy* qua đời vì chết đuối.

Văn chương không phải là tự truyện, nhưng luôn thấp thoáng bóng dáng của tác giả trong những nhân vật mà tác giả tạo dựng. Văn chương là loại hư cấu mà Saul Bellow gọi là *tự truyện ở đẳng cấp cao hơn* [3]. Theo Edna O’Brien, *Bất kì một cuốn sách có chút giá trị nào, thì trong một chừng mực nào đó, phải có phần là tự truyện* [4]. Đỗ Long Vân: *Cái hay ... không thể có ngoài cái thực* [5].

Có một cơn gió thổi suốt gần 200 trang cuốn *Đôi Bạn* của Nhật Linh: đó là *con gió của sự thay đổi*, đến từ Phương Tây, mang lại những ý niệm về cá nhân, tự do, dân chủ ... thổi vào dải đất hình chữ S bên bờ Thái Bình Dương vốn ngưng đọng cả ngàn năm trong quan điểm lễ giáo, gia trưởng Phương Đông.

Tới Thanh Tâm Tuyền, trong *Bếp Lửa* và rõ nét là trong *Ung Thư, Cát Lầy*, con gió đã biến thành con lốc: *con lốc của chủ nghĩa hư vô*. Trong bài *Tựa* bản in *Bếp Lửa* lần thứ hai, Thanh Tâm Tuyền thẳng thắn nói về chính mình: ***Hắn (Thanh Tâm Tuyền) lớn lên cùng bè bạn, vượt qua mau tuổi trẻ để suy nghĩ và mơ ước hành động. Mỗi đứa một lối lẩn mình theo mỗi cảm dỗ lớn lao của hư vô. Hắn là bỏ quê hương, chia tay với bè bạn, dấn mình vào lịch sử, đuổi theo giấc phiêu lưu của trí tuệ: sự thật được tạo nên từ niềm hư vô của tuổi trẻ bị tước đoạt*** [6].

Sau hai cuộc thế chiến và phát xít và cộng sản thì cảm dỗ của hư vô là có tính toàn cầu. Thế kỉ 20 được ghi nhận là “*thế kỉ gây chết chóc nhất trong lịch sử loài người ... từ tháng tám 1914 tới tháng năm 1945, khoảng 70 triệu người đã chết trong chiến tranh, trong trại tù, chết do tra tấn, đầy ải, đói ăn ... khoảng 100 triệu nạn nhân của chủ nghĩa Stalin*”[7].

Jean Améry viết rằng “tra tấn là bản chất là cốt lõi của Đệ Tam Đức quốc xã. ... Với một tay quốc xã Đức chuyên tra tấn người thì chỉ cần hơi mạnh tay điều khiển “dụng cụ” là đủ để nạn nhân gào ré như heo con khi bị đưa vào lò mổ – dù có thể trong đầu nạn nhân tàng trữ những Kant, những Hegel, cùng toàn bộ 9 bản giao hưởng của Beethoven, với Schopenhauer toàn tập *The World as Will and Representation*”[8]. Rất cần nhớ rằng chính những tên quốc xã đã được giáo dục để trong đầu chúng cũng tàng trữ những thứ như vậy. “Những thư viện, những viện bảo tàng, những rạp hát, những đại học vẫn có thể phát triển rất tốt dưới bóng che của những trại tập trung. Giờ thì chúng ta hiểu: văn hoá không sản sinh ra tính người (không khiến cho con người trở thành người hơn)”[9]. “Những gì tôi từng tin tưởng thì nay không còn tồn tại nữa. Cuối cùng thì văn minh phương Tây đã bị thiêu rụi thành khói trong những ống thoát khói [của những lò thiêu xác người] ở Dachau” [10].

***Chúng nó làm phát xít***

***Chúng nó làm cộng sản***

***Chúng ta làm tù nhân*** [11]

***Sự thật được tạo nên từ niềm hư vô của tuổi trẻ bị tước đoạt***: bị tước đoạt, bởi những thanh niên đó phải dành trọn cái sinh lực trẻ trung cho những vấn đề nóng bỏng của thời cuộc – là số phận nghiệt ngã của người dân nước nhược tiểu trong gọng kìm Tư bản-Cộng sản. Như với Thạch, việc đọc sách để thu thập kiến giải vạch đường cho lí tưởng noi theo thì cấp thiết, quan trọng hơn việc học lấy bằng cấp, ***Hồi Cảnh truyền cho Thạch hai quyển gối đầu giường của mình là Principes fondamentaux de la philosophie và Principes élémentaires de l'économie politique, Thạch bỏ cả gần năm học không để ý đến thi cử để nghiên ngẫm Marx*** [12]. ***Cảnh ở nhờ trong chùa, hằng ngày đi tàu điện, lên phố vào thư viện tự học, buổi trưa ăn bánh mì trong nhà gửi xe, chiều làm précepteur một hai tiếng cho một gia đình ở hàng Bạc, trong hai năm xong Tú-tài*** [13]. ***Cảnh nói: Muốn làm nên việc gì, không thể đơn thân, phải có anh em; tôi sống được ở Hà nội, đi học được khỏi lo lắng một phần là nhờ sự giúp đỡ của một số anh em khác, họ đi dạy học, gửi tiền hàng tháng trợ cấp cho tôi; chúng tôi luân phiên nhau, tôi học xong đến lượt người khác*** [14]. Cảnh nói với Trinh: ***Không ai yêu tôi và tôi cũng chẳng yêu ai hết*** [15].

***Thạch và chúng bạn chuyện trò bàn cãi hết vấn đề này sang vấn đề khác trên những hè phố vắng như những ngày dài đằng đẵng, chia nhau những miếng thuốc lá*** [16]... ***mỗi khuya vắng từ biệt nhau mỗi đứa một ngã thui thui gậm nhấm những mẫu mống ước cay đắng,***

*trong khi người ta làm chợ đen, áp-phe, lo kiếm tiền làm giàu, chuyển ngân, tìm chốn thoát thân [17]. Phía sau lưng bàn tán chuyện động viên, các tuy-ô chạy chọt, ông bác sĩ phụ trách khám sức khỏe có hàng hộp vàng gửi ở ngân hàng [18].*

Trong *Bếp Lửa*, những mảnh đời, những phận người, những ngày tháng tan rã báo hiệu những hẹn ước với hư vô: *Ngọc xuống Hải Phòng, làm phu khuân vác bến Sáu Kho, chờ đợi một chuyến đi xa, đi không trở về cái đất nước nhục nhã này, đi tìm cái chết nơi hải cảng trong quán rượu xa lạ, chết một mình bên chai rượu [19]; Ông Chính là cha ghẻ của tôi [20]... đã già xuống nhiều, bàn tay ông úp sấp nổi gân và run. Năm 45, ông là đảng viên Việt Nam Quốc dân Đảng và có dự vào cuộc trưng tàn lịch sử [21]... Tôi thương ông vô cùng, sự già cả và cô đơn vây lấy ông [22] Bảo (một bạn thân khác) "... tôi sợ cái chuỗi ngày thường của tôi ..., có phải mình đang kiên nhẫn chịu đựng hay mình đang chết đi? ... cái cuộc đời bên cái hàng tạp hoá và vợ con này của tôi." Tôi không trả lời, gác một chân ra ngoài chần. Bảo đã dự trong phong trào Ngũ Xã [23]. Anh bị hư một chân, khi trải qua nhà tù Pháp và Việt Minh [24]; (Đại) Hấn rất say đắm chủ nghĩa cộng sản [25], nói với tôi: "Tôi đã bắt được liên lạc [để bỏ Hà nội ra hậu phương]. Chỗ đến là Phú Thọ [26]." Tôi nói thẳng với Đại: *Bỏ ra ngoài (ra hậu phương) cũng là một lối đánh đi, đánh đi tinh thần mình [27]; Hạnh, (thuở nhỏ nhân vật "tôi" và Hạnh học cùng trường, giờ, hai người tình cò gặp lại nhau) Tôi cùng về Hà nội với Hạnh vài lần. Những ngày ấy tôi dành riêng cho mình Hạnh. Gần nhau, tôi nhận thấy chiến tranh – hay chỉ cần sự đe dọa của chiến tranh, tổng quát là sự khùng bố tinh thần – đã thổi vào máu Hạnh sự say đắm nhiệt tình trong yêu đương (khi "ngày mai ngày mai bơ vơ như đứa trẻ trong cơn oanh tạc" [28], không bây giờ thì bao giờ?). Sau mỗi lần như thế, khi lấy lại bình thường. Hạnh có vẻ ngượng ngùng. Một lần nằm cạnh tôi, Hạnh nắm tay tôi để lên ngực nàng và hỏi: "Anh có khinh em không?" Lúc ấy tôi đau đớn tất cả thân thể. [29] (sau đó thì biết tin là Hạnh không trở về nữa). Chị Mùi nói: "Cô ấy ra ngoài đến nửa tháng nay không thấy về." Tôi hỏi chị: "Có tin tức gì không chị?" "Có lẽ bị giữ lại. Người ta nghi cô ấy..." [30]**

Mấy giòng cuối trang trước ba trang chót của *Bếp Lửa*: nhân vật xung tôi xuống Hải Phòng thăm Ngọc, nhưng Ngọc đã xuống tàu rời bỏ quê hương: *Tôi về trái chiếu trên căn góc ọp ẹp Ngọc đã ở. Hấn đi thật rồi, như ông Chính chết, như Đại đã đi. Không muỗi nhưng hơi lạnh về giữa đêm. Tôi mê gặp Hạnh và tỉnh giấc. Tôi không nhớ mình đang nằm ở đâu, mình đến đây làm gì. Chưa bao giờ tôi cảm nỗi tuyệt vọng ghê gớm đến như thế. Tôi có thể tự tử được. Nhưng tôi tự nhủ: Cũng thể thôi, phải, cũng thể thôi [31].*

Nội dung của *Bếp Lửa* không hề hứa hẹn cảnh đoàn tụ quanh một bếp hồng. Chỉ có li tán, và những hứa hẹn của li tán – hứa hẹn từ *Bếp Lửa* 1957 tới gần nửa thế kỉ sau đó, khi Thanh Tâm Tuyên ra khỏi tù cải tạo gặp Nguyễn Sĩ Tế cũng đã qua cải tạo, trong bài thơ mừng gặp lại bạn, đã gọi thời của ông và bạn hữu là thời *Li Tán: Trùng trùng mấy lúc Thời Li Tán / Quyển luyến phù vân lời phiếm trao*. Ba trang chót của *Bếp Lửa* 110, 111 & 112 (ấn bản chung quyết 1973, in lần thứ tư), trang 110 chưa tới nửa trang, trang cuối 112 chỉ vài giòng, và bát chữ trang nhỏ, in thưa, thực sự chỉ như một trang. Nội dung "trang" đó: Nhân vật xung tôi – đã di cư vào Nam sau hiệp định Genève 1954, còn nhân vật nữ Thanh ở lại Hà Nội – viết trong thư gửi Thanh: *"Hãy cho anh sự tin tưởng khi anh có dịp trở về quê hương ..."*. [32] Cả cuốn truyện chỉ toàn những li tán trên nền của những lộng đổ nát; và chỉ một trang mơ ngày đoàn tụ: tôi bảo lưu ý kiến rằng tựa truyện "*Bếp Lửa*" là một tựa không thích hợp – mặc dù lí giải hết sức thuyết phục và không thể súc tích hơn, của dịch giả Nguyễn Hải Bằng qua email: *Tôi nhớ câu*

thơ của Tô Thùy Yên “Bếp lửa nhân quần ấm tối nay “. Nhưng trong *Bếp Lửa* của Thanh Tâm Tuyền chỉ toàn chuyện li tán như ông nhận định. *Bếp Lửa* mơ ước với thực tại định mệnh đối nghịch. Một absurdité của thời đại và cả của cuộc đời. Phải chăng có lẽ đó là chủ ý của tác giả muốn nói lên?

Tới *Ung Thư*: Những nhân vật *Đồng, An, Thạch, Cảnh* đã “*lăn mình theo mỗi cảm dỗ lớn lao của hư vô*” như thế nào?

**Đồng**: bệnh nặng, phải bỏ học, tự nhận biết mình sẽ sớm rời bỏ cuộc đời, chỉ thể đứng ngoài nhìn bạn bè “dấn mình vào lịch sử”, *Đồng* làm thơ, rồi thả trôi những trang thơ xuống giòng sông Hồng, *giòng nước đỏ phù sa chảy siết cuốn trôi tập giấy viết những bài thơ tình đầu tiên nhưng không cuốn nổi những âm vang còn lại trong hồn* [33]. *Đồng* hay pha trò ý nhị, hay cười khúc khích riêu cợt, *Nga* (em gái *An* – thêm một mối tình không thành của *Đồng*): “*Anh không được cười nữa ... Em muốn thấy anh buồn*”. *Muốn thấy anh buồn làm sao được*, [34] *muốn thấy phải vào trong đêm khuya trần trọc, vào trong những cảm xúc bất thường, trong cơ thể bệnh hoạn, trong ý thức vùng vẫy, tiềm thức vi phân... Tự dung tôi ứa nước mắt ...* [35]. Này chàng thơ bệnh hoạn, những giọt lệ chính là những ý thơ, tứ thơ chờ được, đòi được viết ra, nhưng chàng nhất định không viết ra nữa: *Lăn quắt ở ngoài hay ở trong những vang vọng quen của những câu thơ muốn thành hình, nhưng tôi nhất định không viết, và chỉ chốc lát sẽ tan hút vào đáy sâu của bản thể và bản thể sẽ tiêu mòn cùng ngày tháng* [36]. Bởi hư vô lên tiếng gọi chàng và chàng thầm nhắc câu hỏi của Hölderlin “*À quoi bon des poètes en temps de détresse?*” Có ích gì, những thi sĩ trong thời buổi khôn cùng? [37]... *Tôi sẽ sụp vào trong hố thăm hư vô* [38] *cuộc sống đang rút dần khỏi cơ thể, óc não* [39]. *Tôi quên dần căn bệnh ... tôi quên dần tôi. Tôi di chuyển nhẹ nhàng thoải mái trong cái thế giới thu nhỏ, thu nhỏ mãi để sẽ biến mất thanh thoi. Biến mất cùng những giấc mộng tuổi niên thiếu. Một ngày nào, bạn bè trở về không gặp, chúng nói với nhau: Đồng chết rồi, nó chết như thế nào? Thạch cười sặc, tiếng cười vẫn cay độc không thay đổi: Nó chết vẫn còn là trai tân. Hai mươi ba tuổi chết vẫn còn tân. Ça c'est ridicule. Mọc. Sà lù. Bú dù. Con khếch* [40]. A. Porchia: *Con người sống với hi vọng sẽ trở thành niềm nhớ tưởng* (của nhiều người khác) [41] Còn *Đồng* “*nhất định không viết*”, chỉ muốn được quên đi, tan chìm trong hư vô.

**An**: gia đình tư sản, trưởng giả, ông bố làm bộ trưởng, đã lo liệu cho *An* đi du học Pháp nhưng *An* từ chối. *An* theo đuổi văn chương, bỏ nhà, sống với gái làm tiền đồng thời là gái nhảy tên *Phúc*. Khi bỏ nhà ra đi, *An không đem theo một quyển sách nào ... Những quyển sách như môi giới của thế giới khác, trở nên vô dụng, chính tôi tôi đi đến những thế giới ấy và có thể tôi sẽ tạo nên những quyển sách của tôi* [42]. Cuối cùng *An* nghiện ngập, nhưng rút ra một kinh nghiệm “*đau đớn nhất*”: *Tôi chưa gặp Đồng, nhưng có lẽ rồi sẽ gặp, nói với hẳn một kinh nghiệm, kinh nghiệm đau đớn nhất: văn chương chính là một hư tưởng bao phủ đời sống, là nỗi bất lực thú nhận và chấp nhận của một kiếp người...*(trang áp chót của *Ung Thư* [43]). Hư tưởng, hư huyền, huyền tưởng: cảm dỗ của văn chương cũng là cảm dỗ của hư vô. *Ung Thư* là cuốn truyện viết dở dang, một *symphonie inachevée*. Trong bài tựa *Bếp Lửa* in lần thứ hai, TTT thú nhận mình *viết cuốn sách với ý nghĩ trong khi mình viết, người khác chết. Ý nghĩ làm tê liệt hứng khởi tạo tác, ... không thể hoàn thành những dự thảo, phóng tưởng kế tiếp* [44]. Biết đâu rằng ý nghĩ văn chương chính là một hư tưởng đã *làm tê liệt hứng khởi tạo tác* khiến sau khi viết ra “*kinh nghiệm đau đớn nhất của An*”, TTT đã chỉ viết thêm một trang rồi bắt ngừng ngưng ngưng cuốn truyện?

**Thạch:** (Cuộc trưng tàn quốc-cộng:) *Trình hỏi Cảnh: Anh ra hậu phương có phải không ... Làm sao cô biết tôi ra hậu phương? [45] Em đoán phỏng thế. Các anh nếu không đi lính thì chỉ có thể ra hậu phương ... [46]. Ông chủ bút an ủi mẹ của người thợ trẻ nhà in bị bắt lính: Con trai thời này là phải đi lính cả. Không bên này thì bên kia [47]. Không thể chấp nhận cộng sản, Thạch đành phải “đi lính quốc gia”, theo học khóa huấn luyện sĩ quan do Pháp đào tạo. Trên chuyến bay về Hà nội dự lễ mãn khóa, Thạch mỉm cười nghe những đứa ngồi cạnh bàn tính; đứa nói sẽ vận động xin được ra tiếp tục học thuốc hoặc chuyển sang ngành quân y sắp mở, đứa tìm một chỗ ngồi bàn giấy hoặc ngành quân nhu ở bộ tham mưu đệ tam quân khu ngay Hà Nội, đứa hy vọng làm sĩ quan tác động tinh thần khỏi phải ra mặt trận; một đứa bỗng nói lớn: “ Tao sẽ xin đi đóng đồn rồi dẫn lính ôm súng bỏ ra ngoài (theo Việt Minh).”, cả bọn bỗng im phắc, Thạch cười: “Ý kiến hay”, tiếp theo Thạch văng tục: Merde. [48]. Trên chuyến xe từ phi trường về thành phố, Bỗng đứa ngồi cạnh làm Thạch giật mình, nó là đứa đã tuyên bố ở trên phi cơ sẽ ôm súng theo Việt Minh, ... nó hỏi Thạch “Anh thù Việt Minh” Thạch nói trống: “Sais pas”; nó lại hỏi tiếp “Anh cũng không ưa quốc gia, vậy anh ở đây làm gì?” Thạch lấy hết giọng ôn tồn bảo “Tais toi. Tu m'emmerdes” [49]. Sau, Thạch được bổ nhiệm về đóng đồn ở Hung Yên, đứng nhìn mãi những vòng rào thép gai, đồng ruộng bỏ hoang bao vây bởi làng xóm thù nghịch [50] ... những đêm liên hoan mừng chiến thắng Điện-biên vẫn kéo dài trong các làng xóm vây quanh đồn, hằng ngày lính vẫn ôm súng đào ngũ và Thạch không thể làm gì được ... chỉ được lệnh phòng thủ với số quân hao mòn dần ... Thạch chạy cuống lên tháp canh hướng vào làng ra lệnh xả súng bắn. Cho chúng cam đi, cam luôn cả mối kiêu hãnh nhục nhã của mình [51]. Thạch nằm co quắp trên ghế vải, khóc tức tưởi, những tiếng nấc dồn vỡ khúc khúc trong cổ họng. Tại sao? Tại sao tôi ở đây, tôi vẫn ở đây? Trong cuộc chiến tranh này tôi đứng chỗ nào? [52] Thạch, nói với nhân vật Tùng: “Với tôi thì cái lỗi làm nặng nhất là họ (Cộng sản) đã dồn tôi phải đứng trong hàng ngũ những kẻ tôi cũng thù nghịch.” Tùng: Mình phải đi lính cho Tây chứ gì... Thạch: Gần như thế [53]. Về những sĩ quan cùng khóa trên chuyến bay về Hà nội dự lễ mãn khóa, Thạch đã tự hỏi: Tại sao tôi vẫn còn yêu mến những cái chúng yêu mến, tại sao tôi chưa rời bỏ biệt tích đến một chỗ nào hoàn toàn mới lạ với những sự vật của riêng tôi? Tôi không thể nào yêu cái gì mà chúng nó cũng yêu, nếu chỗ nào chúng tới tôi phải bỏ đi, nếu chúng chiếm hết cuộc đời, tôi sống với hư vô, nếu chúng yêu tôi, tôi sẽ giết tôi. [54]. Chúng yêu tôi nghĩa là tôi có cái giá trị mà chúng trân quý, nếu vậy thì cái giá trị đó là giả giá trị, mà tôi phải hủy diệt đồng nghĩa với sự tự diệt. Sống trên chính quê hương, nhưng tới một lúc Thạch ngộ ra rằng mình chưa từng có một quê hương, vì mọi nơi đều bị “những kẻ Thạch cũng thù nghịch” ở cả hai phía chiếm hết cả. Thạch cất tiếng cười, mà phải bắt đầu biết chấp nhận nếu không muốn tự tử, chấp nhận cảnh ngộ, chấp nhận những cần thiết của lịch sử. Mà chưa bao giờ có một quê hương, bị chiếm hết ở mọi nơi; bởi mà chưa chết, mà phải chấp nhận, nuôi lấy tuyệt vọng với hi vọng vượt được khỏi tuyệt vọng [55]. Cảnh thấu hiểu tâm trạng của Thạch, hỏi bạn: Thế không phải là cậu đã tự tử từ lâu rồi à? [56]. Cảnh nghĩ: Thạch hay kêu: phải mở một lối thoát và rút cuộc hấn lao đầu vào hư vô [57].*

**Cảnh:** *Cảnh nói với Thạch: Trong cái xã hội này mình cũng bị aliéné... Mình phải quên mình đi [58]. Cảnh rời thư viện về quán cơm trọ ... từ cái ra-đi-ô ... phát ra tiếng hát ân tình nữ non ... Cảnh nghe giận cái tiếng hát điệu hieu vô tư ... Không thể còn sự ngây thơ, không thể còn những mơ mộng vô tội, người ta chỉ có thể mơ mộng bằng kiếp sống, bằng hành động. Chỉ còn có thể một giấc mộng ... giấc mộng của những Robespierre, Saint-Just, Marat... [59] (Cảnh sẽ làm những gì?) Những gì tôi nghĩ là đúng. Không phải. Những gì mà lịch sử cho là đúng. Những gì có thể phủ nhận chính cá nhân tôi... Lịch sử là như thế, bạo*

**động, mù quáng, vô lí, bất kể cá nhân. Và cá nhân phải sáng suốt để thấy rõ ý nghĩa của nó [60]. Đi đến đâu? Gặp những ai? Chắc chắn sẽ phải qua lớp cải tạo tư tưởng. Chấp nhận hết, không đòi hỏi gì hết. Bằng lòng xóa trắng mình. Tôi sẽ không là gì nếu không gia nhập được vào lịch sử [61].**

Nhóm bạn bốn người đó, *Đồng, An, Thạch, Cảnh*, mỗi đứa rồi sẽ trôi dạt một phương, con lạt của lịch sử sẽ cuốn lấy, bám chặt vào những mảnh vụn của một giấc mộng chung tan vỡ [62]. *An* từng nói với *Đồng* về *Thạch*: **Tôi nhớ một lần nó có nói: nó đi lính là đánh giặc mướn, đánh giặc mướn ngay tại xứ sở của mình. Cũng như bọn Lê-dương vậy... Minh rồi có làm gì cũng đến như thế. Tiêu tan dưng không chẳng ra cái gì cả [63].** *Thạch*, với *Đồng*: **Một bữa nào sáng ra nhật xác ngoài đồn, tôi trông thấy thằng *Cảnh* hay là nó vào đồn nhìn thấy xác tôi. Có thể như thế lắm chứ [64].** *Thạch* bị thương, nằm trong nhà thương Bạch-mai, nhân *Đồng*, *Đồng* vào thăm, *Thạch*: “... **thằng *An* hay tôi hay thằng *Cảnh* hả, nous sommes condamnés à mort, condamnés à se détruire...**” [65]. *Thạch* nghĩ: **có lẽ *Cảnh* nói đúng, thế hệ này bị hi sinh, mỗi đứa một cách [66].** *An* nói với *Đồng*: **Chính chúng ta có thể gọi là một génération perdue ... Không tin tưởng, lạc lõng ... Các bậc đàn anh, cha chú ở ngoài kia cũng như trong này đều chống lại chúng ta ... Hay chúng ta chống lại họ cũng vậy. Thế hệ trước chúng ta họ có lịch sử và chúng ta thì không. Chỉ còn một thái độ hư vô. Nous sommes perdus ... [67]**

Ngay đầu truyện, Thanh Tâm Tuyền trích dẫn câu của André Malraux trong cuốn *La Voie Royale: Mais accepter vivant la vanité de son existence, comme un cancer, vivre avec cette tiédeur de mort dans la main*. (Nhưng chấp nhận sống cái hão huyền của cuộc hiện sinh của y, như một căn bệnh ung thư, sống với hơi ấm nồng này của nỗi chết trong tay.) Và ông lấy hai từ “ung thư” làm tựa truyện. *Ung thư*, căn bệnh không thể chữa lành. Như cuộc xung đột Quốc-Cộng đầy máu và nước mắt, “mệnh mông trời xương tủy” [68], không thể được hóa giải.

Nhân vật chính tên *Trí* trong *Cát Lầy*, như nhân vật *Tâm* (xưng “tôi”) trong *Bếp Lửa*, như những *Đồng, An, Thạch, Cảnh* trong *Ung Thư*, cũng **“lăn mình theo mỗi cám dỗ lớn lao của hư vô”**. Tuy nhiên khi trong *Bếp Lửa*, và rõ nét nhất là trong *Ung Thư*, tính chính trị là cốt lõi – thì *Cát Lầy* là một *truyện tình*. Lí do khiến một số chi tiết trong truyện có màu sắc chính trị là bởi tác giả phải mô tả nhân vật chính: *Trí* là thanh niên trí thức tinh lễ miền Nam, sau hiệp định Genève 1954, cùng bè bạn rủ nhau tính trốn ra Bắc, việc không thành, bị bắt vào bót Catinat; ở đây, bên kia hàng chắn song *Trí* nhìn thấy một **“thiếu nữ bận bà ba trắng, tóc còn xõa, dựa vào tường, mắt nhắm hai chân duỗi thẳng, chân mặt của nàng tra trong một vòng sắt của cái cùm công cộng”**[69]. Cô gái thuộc gia đình có thế lực, được giam trong hành lang tránh mưa nắng, được tiếp tế đầy đủ, và được thả trước. Sau khi được tha, *Trí* tình cờ gặp lại cô gái, cô tên *Diệp*, **cũng bị bắt trong một toán học sinh khác mưu tính ra khu tập kết [70]**. Họ yêu nhau. Trong truyện, *Trí* có tìm gặp lại ông *Hoanh*, người thầy năm lớp nhất, người đã **“mở óc, kết nạp, hướng dẫn hoạt động mấy năm trước”**, *Trí* tới thăm không phải để móc nối tiếp tục hoạt động, mà để **“so chừng cái mức độ rã rời của một lý tưởng ở nơi tôi (Lý tưởng trở thành huyền tượng và con người bị nhấc bổng treo giữa hư vô) [71]. Tôi đã bị hư vô cám dỗ và cứ phải dần thân mãi vào trong một cõi mù mịt, bất trắc [72]. Ngông cuồng và tự ái nhốt chặt tôi vào hư vô mộng tưởng [73]. Và tôi hóa thành niềm hư vô băng lạnh ... [74].** Ông *Hoanh* giới thiệu *Trí* với một nhóm sinh viên, *Trí* không “ngủi” nổi đám này, **“bọn trưởng giả đón hèn chỉ làm mình khinh bỉ, chúng nói chuyện cách mạng như sức dầu thơm đi dục dục hội” [75].** Sau lần tính trốn ra Bắc thất bại, với *Trí*, **cuộc phiêu lưu nửa chừng biến tôi thành một**

*mớ những ước muốn, toan tính nửa vời, một ý thức trôi giạt trong hư ngụy* [76]. Sau khi ông Hoanh cùng một số học sinh trong tỉnh bị bắt giữ, *Trí bỗng nhận ra mình đang kéo lê cuộc đời nhạt nhẽo vô vị, không biết mình đang đứng ở phía nào* [77]. Hiển nhiên là cái mức độ rã rời của một lí tưởng đã đẩy Trí tới bờ vực hư vô, nhưng chính mối tình Trí-Diệp còn là một nhân tố đóng góp thêm vào. Đó là một mối tình có sức hủy diệt mù lòa tàn khốc. Diệp yêu Trí hơn cả bản thân, nhưng còn Trí thì sao? Đây là Trí: *Phải chăng không thể có được tình yêu, tình yêu đích thực ... tình yêu chẳng qua là sản phẩm của trí tưởng tượng nghèo túng, một thế giới ảo tưởng của những kẻ lừa* [78] *gạt lẫn nhau trong một trò chơi kiểu bịt mắt bắt dê, trốn chạy cuộc phiêu nản hàng ngày. Người tham dự che mắt, mò mẫm, sờ soạng, rượt bắt nhau, vấp ngã brou đầu sút trán trong khi chính mình có thể ngừng lại giựt tung tấm khăn bịt mắt ... Tình tự cùng Diệp, ghi nằng trong ngực, tôi nghe tôi phân hóa chơi với như một cõi hư vô giả dối. Tôi cần Diệp đó nhưng tôi đứng ngoài mối tình của nàng trao tặng ... Chúng tôi không nói chung một thứ ngôn ngữ. Lúc ấy tôi tự rủa: có sao mà không si mê như mọi người? Cái gì giữ mày lại nơi ngưỡng cửa tình yêu? Nhưng có thật chẳng, bước tới là vào một thế giới hiện hữu hay chỉ rớt xuống lòng vực không đáy? Anh yêu em, anh yêu em. Tôi nói nhưng chẳng tin, trong tim tôi quay cuồng vực trống, nổi cô độc chẳng rời* [79]. Trường tình nơi Diệp theo học mượn một thầy giáo người Bắc di cư mới vào, tên là Hiệp, học trò mền phục, Diệp tán tụng Hiệp nhiều lần với Trí. Trí: *Coi chừng em mê luôn ông thầy của em đó* [80]. Diễn biến của truyện *Cát Lầy* không theo trật tự gian tuyến tính, quá khứ và hiện tại đan xen nhau, và kèm theo đó là sự đan xen của những dạng thức khác nhau của tình yêu: Diệp không rõ hết những dạng thức của tình yêu, *Diệp không biết rằng nàng yêu Hiệp. Nàng không thể biết và cũng không muốn biết* [81]. Buổi tối Diệp bắt gặp Trí trong nhà Hiệp-Thuận (Thuận là vợ Hiệp, ngày đó Hiệp có việc đi Saigon, nhờ Diệp tới ở chơi với Thuận cho Thuận đỡ sợ, nhà chỉ có hai vợ chồng), suốt buổi tối Diệp chỉ nói với Trí một câu duy nhất: *“Anh ở lại với chị Thuận cho chị đỡ sợ. Chừng nào anh Hiệp về, hãy về”*. Trước khi về, Diệp nói với Thuận: *“Em khép cửa cho khỏi gió”. Tôi (Trí) cúi gầm đầu, nghe vắng mãi tiếng cười giả tạo của Diệp ngoài cửa ... Diệp, không phải như em tưởng, anh yêu chị Thuận, nhưng không phải như em tưởng. Diệp, em không hiểu hết những dạng thức của tình yêu. Cả Thuận nữa, chị cũng không hiểu* [82]. *Chỉ có Hiệp ... Anh hiểu tôi yêu Thuận như hiểu Diệp yêu anh* [83]. Chỉ trước khi Diệp tự tử, trước khi Trí mở lưỡi dao bào để cắt mạch máu cổ tay, Trí mới *“Dường như khi ấy tôi nghe được tình yêu của chúng tôi”* [84]. Chỉ là “dường như”. Nhưng chỉ có Diệp chết, còn Trí được cứu thoát. *Cái chết hụt bơi trắng một quãng ngày tháng, tôi chỉ còn tôi, một cõi hư vô rung động* [85]. *Lúc nào tôi cũng chỉ thấy mình, chỉ nghe vô vàn thứ tiếng hỗn độn trong vùng hư không ẩn giấu trong mình* [86].

Như tôi vừa nói trên, tính chính trị, rất rõ nét, là cốt lõi của *Ung Thư*, có thể xếp tác phẩm này vào thể loại tiểu thuyết chính trị. Có thể tìm được trong *Ung Thư* nhiều sử liệu, tuy chỉ là sử liệu trong khoảng thời gian một thập niên trước hiệp định Genève 1954: Không có thể lực nào thực sự là “quốc gia, dân tộc”. Những kẻ vạch đường lối của khối Cộng đã khôn ngoan chỉ đạo những đảng cộng sản tại các nước thuộc địa nghèo: bề ngoài, hãy dương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc [bên trong, là cách mạng vô sản], như thế là tước đoạt cái “chính nghĩa” của phe “quốc gia”. Các đảng phái quốc gia không có đường lối thu hút được quần chúng, vẫn giữ lí tưởng lạc hậu là chỉ cần dựa vào cái tinh thần quốc gia dân tộc là đủ, tí như *quan niệm về giòng sông, giòng sử của nòi Việt, rằng phải intégrier được cái quá khứ lịch sử của một dân tộc* [87], tình trạng hiện tại là các thể lực “quốc gia” phải dựa vào Pháp để chống cộng: Hà nội, những năm 1950, 51 chính quyền “quốc gia” đã phải thực hiện những cuộc bố ráp (tại cửa các rạp chiếu bóng, tại các ngã tư chính) để bắt lính, bắt các thanh niên rồi giao cho Pháp,



nhờ Pháp huấn luyện. Trí thức Mĩ đã tới Hà nội để cổ động cho phong trào hòa bình thế giới [88]. Phái đoàn tướng lãnh Mĩ đến Saigon họp với Pháp, De Lattre sang Việt Nam, tả phái Pháp gây phong trào vận động chấm dứt chiến tranh Đông dương [89]. Nhân vật Nghiêm phân tích tình hình chính trị: Pháp thất bại về quân sự, phải dựa vào Mĩ, giải pháp chia đôi V.N. của Anh (**Nghiêm: Hiện chúng tôi có dự định sẽ ném lựu đạn vào tòa lãnh sự Anh cho chúng nó biết mặt. Thí dụ như thế anh có làm được không? Thạch [đã đảo ngũ]: Đó là trò chơi hằng ngày trong mấy năm nay của tôi. Tôi làm cho** [90].), cuộc mặc cả về vĩ tuyến, 13, 16 hay 17, lá bài Ngô Đình Diệm của Mĩ để thay thế Bảo Đại, Pháp phải miễn cưỡng chấp nhận Ngô Đình Diệm làm thủ tướng: bước đầu của Mĩ vào Việt Nam [91]. **Sài-gòn tan nát trong tình trạng sứ quân, đại hội toàn quốc họp dưới sự che chở của một tay anh chị** [92]. Đôi khi chỉ là một chi tiết nhỏ, nhưng hàm chứa nhiều: **Trở về còn sớm Hải bảo Liêm đạp xe theo ngã hàng Lọng, để đi qua phố Ôn-Như-hầu Hải sẽ chỉ cho xem gian nhà trọ số của Việt-quốc thời 45 nơi người ta tìm thấy những người bị thủ tiêu chôn ở ngoài vườn** [93]. Xin trích dẫn vài giòng trong đoạn *Cánh* gặp người phụ nữ giao liên sẽ đưa *Cánh* tới địa điểm tập kết để trốn ra hậu phương theo kháng chiến: **Người đàn bà ... đầu chít khăn len che mái tóc cắt cụt đến vai, dấu hiệu của người mới ở ngoài vào thành ... mẫu người mới, không nhan sắc nhưng hữu ích ... (đón Cánh) bằng một nụ cười, không phải là nụ cười trang điểm tự biến mình thành đồ vật cho người nhìn ngắm ... Người đàn bà không thuộc riêng ai, không cần phải quyến rũ ai ... [94]. Chị xoa hai tay vào nhau, móng tay cắt sát tròn ngắn, nhiều dấu gạo trắng** [95]. Móng tay cắt sát tròn ngắn, vì móng tay không phải để sơn phết làm đẹp; móng tay nhiều dấu gạo trắng, vì ăn uống thiếu chất dinh dưỡng.

Không chỉ là nhà thơ lớn, nhà văn lớn, Thanh Tâm Tuyền còn là một trí thức ưu thời mẫn thế, luôn rất “kịp thời”.

Ngày 12 tháng 11 năm 1956, Liên Xô kéo đầy đường chiến xa đại bác vào thủ đô Buy đa pét để nghiền nát cuộc cách mạng dân chủ của Hung-ga-ri, thì chỉ vài tuần sau Thanh Tâm Tuyền có bài **Hãy Cho Anh Khóc Bằng Mắt Em / Những Cuộc Tình Duyên Buydapest** (đăng Tạp chí *Sáng Tạo* số tháng Giêng 1957 – cuối bài ghi 12-[19]56).

Khi bức màn sắt buông xuống khắp lục địa châu Âu, chia thành hai khối Đông & Tây Âu, Thanh Tâm Tuyền có bài **Thành Phố**, rất ngắn, chỉ nhắc tới tên thủ đô một số nước thuộc khối Đông Âu cộng sản (ngoài ra kể thêm ... Bắc Hàn & Trung cộng & Bắc Việt):

*Mưa giờ giới nghiêm tắm tôi  
trên hè đường hắt hủi  
xương máy rầm rầm nghiền nát  
nước mắt thợ quánh dẫu  
Vác-xô-vi Bá linh  
Bình nhường Buy đa bét  
Mốt cu Pra-gơ Bắc kinh  
cửa nhà nào lỏng then  
nghe chừng bước đêm nặng nhọc  
bếp sưỡi củi tàn  
áo manh tôi tử*

**giận lên cho ăm ngực gầy**  
**Mưa giờ giới nghiêm tâm tối**  
**trên hè đường hắt hủi**  
**Hà nội Hà nội** [bồn âm sau chót, nghe nghẹn ngào, phải không T.?  
(trong tập thơ *Tôi Không Còn Cô Độc*, nxb Người Việt, 1956)

Năm 1966 hai triết gia Anh & Pháp, là Bertrand Russell & J-P Sartre, kêu gọi lập “một tòa án quốc tế chống tội ác chiến tranh tại Việt Nam”, được gọi là *Russell Tribunal*. Tòa án diễn ra tại London tháng 11 năm 1966. Phiên xử cuối cùng diễn ra ngày 1 tháng 12 năm 1967. Chẳng đợi tới ngày kết thúc đó, Thanh Tâm Tuyên cho đăng trên nguyệt san *Vấn Đề* số 3, tháng 6 năm 1967, mục *Ngoài Lề*, bài báo có tựa đề “*Tòa án Russell, De Gaulle, và Sartre*”, với bút danh khác: *Du Thanh Hào* – bài báo như một mũi tên bắn trúng ba con chim là ba “ông lớn” De Gaulle, Russell & Sartre.

Về *De Gaulle*: Lẽ ra tòa án diễn ra ở Paris, nhưng De Gaulle viết thư gửi Sartre, từ chối không cho họp tại Paris. De Gaulle viết rằng ***quan điểm về chiến tranh V.N của “tòa án” kia không đối lập với quan điểm của chính phủ ông ... nhưng dù thế nào nước Mĩ vẫn là bạn đồng minh cố cựu của nước Pháp ...*** nên ông không thể để cho nước ấy phải chịu sự phán xét của một thể thức bất chấp luật lệ công pháp quốc tế trên lãnh thổ Pháp. Nhưng Thanh Tâm Tuyên nói rõ rằng ***Sartre tố cáo De Gaulle chịu áp lực của Mĩ, tiết lộ rằng Mĩ chỉ cần không cho Pháp thuê những máy tính điện tử khổng lồ đủ khiến nền kinh tế Pháp xáo trộn ...***

Về *Sartre*: Thanh Tâm Tuyên nhấn mạnh vào việc Sartre ***lờ đi coi như không có miền Nam V.N. và tuyên bố thẳng thừng: “Chúng chỉ muốn làm áp lực bắt người ta phải tuyên bố trắng ra là chỉ có một kẻ bị xâm lăng trong trận giặc này và đó là Hồ Chí Minh” đã khiến cho cái gọi là tòa án của các ông chẳng còn tí khách quan nào nữa cả.*** De Gaulle viết thư cho Sartre, mở đầu bằng *Mon cher Maître* (Thưa Tôn sư, hoặc Kính Bạc Thầy), là thư riêng, có tính cách cá nhân, Sartre đáp rằng ***“tôi chỉ là Maître đối với mấy tên bồi nhà hàng biết tôi viết lách”*** – Sartre bất mãn: lẽ ra De Gaulle phải viết gửi ***“vị chủ tịch tòa án”*** (Sartre là Chủ tịch Russell Tribunal). ***De Gaulle mới chỉ lờ đi có một tính cách chủ tịch tòa án của Sartre đã khiến ông bất mãn, trong khi ông lờ đi hàng triệu con người “hiện sinh” cụ thể tại miền Nam thì lại chẳng sao. Cũng chẳng nên lấy làm buồn, Sartre là người làm De Gaulle nể phục, các chính phủ trên thế giới nể phục, còn những người sống tại miền Nam tối tăm chẳng khiến ai phải sợ cả, nói đến hay không chẳng cần, và người miền Nam cũng đã quá quen với tình trạng người ta không đếm xỉa tới mình.***

Về cặp *Russell-Sartre*: ***Thiết lập tòa án, hai ông muốn chứng tỏ tinh thần nhân bản Tây phương gương mẫu cho toàn thể nhân loại noi theo ... Nhưng nếu nhìn đúng theo triết lý của Sartre thì muốn hay không họ vẫn là đồng lõa của những tình trạng đã xảy ra trên thế giới và việc thiết lập tòa án này trước hết là phủ nhận tính cách đồng lõa ấy ... Nhìn theo con mắt Á Đông, tòa án của các ông thiết lập có hơi chậm. Đáng lý nó phải có từ thời Nha phiến chiến tranh, từ năm 1858 khi liên quân Pháp – Tây Ban Nha nã đại bác vào cửa biển Đà Nẵng. Tất nhiên thời ấy chưa có nhà quý tộc Russell và Sartre, trí thức Tây phương chưa có điều kiện dân chủ tiến bộ như ngày nay. Nhưng người Á Đông có quan niệm con cháu phải chịu trách nhiệm về tiền nhân nên dù muốn dù không các ông trí thức Tây phương không thể nào phủi tay sạch sẽ về những tội ác của ông cha trong quá khứ. Cuộc chiến***

*tranh tàn khốc mà dân tộc V.N. phải chịu đựng nó khởi từ cái ngày chế độ tư bản và cả chế độ cộng sản nữa do các ông sản xuất ra ... nếu muốn điều tra xét xử một cách tường tận đáng lý các ông phải thiết lập một hồ sơ đầy cộm cả một thế kỷ ...*

*Bếp Lửa, Ung Thur, Cát Lây*, mở ra một vùng hư không lỏng lẻo bát ngát, phải vậy chăng? Hư vô, hư không lỏng lẻo bát ngát, *mỗi khoảnh khắc mỗi lộng đổ nát, gió những trời vô tận thổi về*, ai cũng cảm nhận rằng Nothing tức khắc trở thành Something ngay khi ta nói về nó, càng nói say sưa về hư không càng làm hiển lộ một hư không lỏng lẻo bát ngát.

Tôi đọc lại vài câu *buồn rung rung cuối đường của một ngày* [96]:

*Tôi về trải chiếu trên căn góc ọp ẹp Ngọc đã ở. Hẳn đi thật rồi, như ông Chính chết, như Đại đã đi. Không muỗi nhưng hơi lạnh về giữa đêm. Tôi mê gặp Hạnh và tỉnh giấc. Tôi không nhớ mình đang nằm ở đâu, mình đến đây làm gì. Chưa bao giờ tôi cảm nỗi tuyệt vọng ghê gớm đến như thế. Tôi có thể tự tử được. Nhưng tôi tự nhủ: Cũng thế thôi, phải, cũng thế thôi.*

*Tôi [Tri] ngồi đây trước người bệnh và biết đời mình không ở đâu cả... Nếu đêm bất tận?... Buổi mai nào cũng là một ảo tưởng [97]. Tôi sách chai vào buồng tắm, hứng nước trong vòi, uống hết ống thuốc mua cho Diệp... Rồi tôi nằm trên giường, kéo chăn đắp, mở lưỡi dao bào... Tôi nghe những tiếng la gọi vang âm như từ trên những đỉnh núi cao xa, mây dồn cục che khuất. Những tiếng la gọi của một cõi đã mơ hồ... [98].*

Tất cả, tất cả đều là những nỗi niềm tan nát, là những hứa hẹn của hư vô, nhưng kì lạ thay, người đọc không bị đoạ trong những tan nát vỡ vụn đó, tôi chợt hiểu, những tan nát đó, là *despair made beautiful*, những tan nát càng ghê gớm thì càng làm chứng cho nghệ thuật lớn lao của TTT: *cái đẹp đã cứu chuộc*.

Chẳng phải rằng Flaubert đã nói chúng ta rút ra sức mạnh từ nỗi tuyệt vọng, rằng Chopin đã trút cũng những nỗi niềm tan nát đó xuống cây đàn piano, rằng ai đó nói, tôi quên rồi, văn chương là cuộc cứu rỗi cho kẻ bị đày đoạ, rằng tiểu thuyết sinh ra từ sự vỡ mộng, rằng thơ sinh ra từ niềm tuyệt vọng?

Tôi luôn có nỗi buồn này khi đọc Thanh Tâm Tuyền (tôi rất cần nói thêm: và khi đọc Đỗ Long Vân): chỉ sợ hết. Joseph Epstein kể rằng sử gia về ngành kinh tế đại học Harvard, tên Alexander Gerschenkron (có giải thưởng kinh tế mang tên ông), khi đọc tới cuối cuốn *War and Peace*, lòng buồn trĩu nặng, ông dừng lại, thờ dài, rồi ... đọc lại từ đầu [99]. Michael Dirda viết một câu không thể “bất nhân” hơn: “Cứ để cả thế giới rộng lớn vỡ vụn tan tành, miễn là tôi có thể đọc thêm trang nữa. Và rồi một trang kể nữa. Và rồi thêm trăm trang nữa” [100].

Trước khi chấm dứt, tôi xin nói lời cuối bài (dù ai cũng hiểu là không có lời cuối, mọi cuộc nói, cuộc viết, cuộc đời đều là những cuộc ngưng ngang, ngang xương – chẳng bao giờ Valéry làm xong một bài thơ): Tôi hẳn bị chê trách vì trích dẫn quá nhiều, nhưng khi trích dẫn những tác giả lớn tôi thường rất bất mãn với chính tôi. Tôi luôn cảm thấy đoạn trích dẫn không giữ được đầy đủ ý nghĩa so với khi nó nằm trong mạch văn: nội dung của đoạn đã bị *cắt xén* và *lãng nhạ*. Thay vì trích dẫn, lẽ ra tôi nên viết ra đây toàn bộ 302 trang *Ung Thur*.

**Phạm Kiều Tùng**

**Chú thích**

[1] Thanh Tâm Tuyền nói trong cuộc thảo luận của nhóm Sáng Tạo về *Nhân vật trong tiểu thuyết*, Saigon 1960.

[2] *Cát Lầy*, trang 22, nxb Giao Điểm, Saigon, 1967.

[3] Fiction is higher autobiography, trích dẫn trong John Sutherland, *Lives of the Novelists*, New Haven, Yale University Press 2012, trang 525.

[4] Any book that is any good must be, to some extent, autobiographical (John Sutherland, sách đã dẫn, trang 647).

[5] Đỗ Long Vân, bài *Nhân Một Kinh Nghiệm Thơ*, báo Đại Học, số 31, tháng 2, 1963.

[6] *Bếp Lửa*, trang I-II, ấn bản chung quyết, nxb Kẻ Sĩ, Saigon, 1973.

[7] George Steiner trả lời phỏng vấn của Dominique Simonnet, báo L'Express 28 Decembre 2000: Le siècle le plus meurtrier de l'histoire humaine... Les historiens nous diraient qu'entre août 1914 et mai 1945 70 millions d'êtres humains ont péri dans les guerres, les camps, par la torture, la déportation, la famine; et on a parlé de 100 millions de victimes du stalinisme...

[8] ... torture was the 'essence' of the Third Reich ... For a Nazi torturer, [a] slight pressure by the tool-wielding hand is enough to turn the other – along with his head, in which are perhaps stored Kant and Hegel, and all nine symphonies, and *The World as Will and Representation* – into a shrill squealing piglet at slaughter. Jean Améry, bị quốc xã tra tấn, rồi bị chuyển tới Auschwitz rồi Buchenwald rồi Bergen-Belsen, được quân Anh giải thoát năm 1945; 1978 thì tự sát.

[9] bài phỏng vấn dẫn trên: Les bibliothèques, musées, théâtres, universités peuvent très bien prospérer à l'ombre des camps de concentration. Nous le comprenons maintenant: la culture ne rend pas plus humain.

[10] *White*: The things I believed in don't exist any more. ... Western civilization finally went up in smoke in the chimneys at Dachau ... Lời nhân vật *White* trong vở kịch của Cormac McCarthy: *The sunset Limited*, bản pdf pages 14-15. Vở kịch chỉ có 2 nhân vật, một *Trắng* một *Đen*; *Trắng* do Tommy Lee Jones thủ vai, *Đen* do Samuel L Jackson. Đây là một cuốn tiểu thuyết hơn là một vở kịch, chính tác giả ghi thêm: là một tiểu thuyết dưới dạng kịch [a novel in dramatic form]. Từ *The New York Times* gọi nó là “một bài thơ tán dương cái chết” [a poem in celebration of death]. Trên chuyến xe lửa từ New Orleans tới Los Angeles, nhân vật *White*, vì không còn gì để tin tưởng nữa, đã toan tự tử, nhưng được nhân vật *Black* cứu thoát.

[11] Thanh Tâm Tuyền, bài *Tù Binh*, trong *Tôi Không Còn Cô Độc*, nxb Người Việt, Saigon, 1956

[12] V39/87-UT 95

[13] V38/104-UT 82

[14] V37/139-UT 71

[15] V39/93-UT 101

[16] V31/99-UT 7

[17] V31/100-UT 8

[18] V37/142-UT 74

[19] *Bếp Lửa*, trang 73, ấn bản chung quyết, nxb Kẻ Sĩ, Saigon, 1973.

[20] *Bếp Lửa*, trang 31

[21] *Bếp Lửa*, trang 32

[22] *Bếp Lửa*, trang 35

[23] *Bếp Lửa*, trang 73

[24] *Bếp Lửa*, trang 74

[25] *Bếp Lửa*, trang 27

[26] *Bếp Lửa*, trang 49

[27] *Bếp Lửa*, trang 65-66

[28] trong bài *Tình Cờ*, tập *Tôi Không Còn Cô Độc*

[29] *Bếp Lửa*, trang 88

[30] *Bếp Lửa*, trang 89

[31] *Bếp Lửa*, trang 100

[32] *Bếp Lửa*, trang 111

[33] V42/107-UT 124

[34] V36/78-UT 60

[35] V36/79-UT 61

[36] V48/165-UT 202

[37] V36/78-UT 60

[38] V41/90-UT 115

[39] V41/91-UT 116

- [40] V42/118-UT 135
- [41] One lives in the hope of becoming a memory – tập thơ *Voices of Antonio Porchia*, W.S.Merwin dịch sang Anh ngữ từ tiếng Tây Ban Nha, trang 13, nxb Big Table Publishing Company, Chicago, 1969.
- [42] V39/98-UT 106
- [43] V62/86-UT 301
- [44] Bếp Lửa, trang II, ấn bản chung quyết, nxb Kẻ Sĩ, Saigon, 1973.
- [45] V39/92-UT 100
- [46] V39/93-UT 101
- [47] V51/140-UT 218
- [48] V31/94-UT 2
- [49] V31/99-UT 7
- [50] V57/98-UT 263
- [51] V57/96-UT 261
- [52] V57/97-UT 262
- [53] V57/101-UT 266
- [54] V31/98-UT 6
- [55] V57/102-UT 267 (trang này, *heading* bị sắp chữ lộn, là VĂN 75)
- [56] V34/108-UT 44
- [57] V38/108-UT86
- [58] V33/95-UT 21
- [59] V39/88-UT 96
- [60] V41/94-UT 119
- [61] V41/96-UT 121
- [62] V31/102-UT 10
- [63] V39/95,96-UT 103,104
- [64] V42/110-UT 127
- [65] V48/164-UT201
- [66] V57/126-UT 272
- [67] V39/95-UT 103
- [68] Nửa của một bài thơ của Nguyễn Nghiệp Nhượng.
- [69] Cát Lầy, trang 52, nxb Giao Điểm, Saigon, 1967.
- [70] Cát Lầy, trang 51.
- [71] Cát Lầy, trang 87.
- [72] Cát Lầy, trang 103.
- [73] Cát Lầy, trang 117.
- [74] Cát Lầy, trang 122.
- [75] Cát Lầy, trang 90.
- [76] Cát Lầy, trang 57.
- [77] Cát Lầy, trang 121.
- [78] Cát Lầy, trang 47.
- [79] Cát Lầy, trang 48.
- [80] Cát Lầy, trang 46.
- [81] Cát Lầy, trang 47.
- [82] Cát Lầy, trang 104.
- [83] Cát Lầy, trang 105.
- [84] Cát Lầy, trang 171.
- [85] Cát Lầy, trang 16.
- [86] Cát Lầy, trang 21.
- [87] V36/74-UT 56
- [88] V59/101-UT 284
- [89] V41/89-UT 114
- [90] V59/102-UT 285
- [91] V59/101,102-UT 284,285
- [92] V59/99-UT 282
- [93] V51/135,136-UT 213,214
- [94] V41/91-UT 116
- [95] V41/92-UT 117
- [96] *Liên Những Bài Thơ Tình Thời Chia Cách*, tập *Tôi Không Còn Cô Độc*, nxb Người Việt, Saigon, 1956.
- [97] Cát Lầy, trang 139-141.
- [98] Cát Lầy, trang 176-177.
- [99] As in reading other great books of magnitude—*The Decline and Fall of the Roman Empire, War and Peace, Remembrance of Things Past*—one feels a sadness at coming to its conclusion. The Harvard economic historian Alexander Gerschenkron has told of coming to the end of *War and Peace* with this feeling of sadness so heavy upon him that he paused, sighed, and then turned the novel over and began it again from the beginning. Joseph Epstein, *Life Sentences*, W.W.Norton & Co, New York, 1997
- [100] Let the whole wide world crumble, so long as I can read another page. And then another after that. And then a hundred more. Michael Dirda, p. 13, *Readings, Essays and Literary Entertainments*, Indiana University Press, 2000.

## THƠ VIỆT MỘT THỜI

---

Dương Tường  
WAGNER

5

*Gửi Đặng Đình Hưng*

Bao giờ  
về

thượng nguồn thơ  
nghe

U ơ

jó bờ đàu  
xạc xào  
trang cát chữ

cung cầm lạc rung rung khói mặt  
người sập sẹ *nắm hột khuya rắc*  
*vào bến lạ\**

ghe ghe buồm  
gai chiều mù  
U mộng trắng

Phải  
lọt lòng

một khối U thơ

\* *Thơ Đặng Đình Hưng*

Lê Đạt  
TRÁI MÙ U

Xuân tự bao giờ  
Mà hoa tuổi mở  
Xuân tự bao giờ  
Mà hoa ngực nở  
Cho mùa dạ hương  
Để má mấy thương  
Để hường mới nhớ  
Mấy vườn liêu trai.

Đèn phải nơi ai  
Mà đèn đỏ mặt  
Nhà ngổn ngang đường  
Dây điện nhện vương.

Lối sữa lộc măng mảy nhựa

Trăng tròn thêm trái nhớ mù u.

*Nguyễn Bình*  
HÁI MÔNG TÔI

Hoa lá quanh người lác đặc rơi  
Cuối vườn đeo giỏ hái mông tôi  
Mông tôi ứa đỏ đôi tay nõn  
Cô bé nhìn tay nhí nhảnh cười  
Cách vườn tiếng gọi khê đưa sang  
Rẽ lá cô em trốn vội vàng  
Quên giỏ mông tôi bên giậu vắng  
Tôi đem nhật lấy gởi đưa nàng  
Năm tháng ta vui chón ngựa hồng  
Cảnh xưa gò ngựa một chiều đông  
Cây khô đậu đỏ mông tôi héo  
Cô bé nhà bên đã có chồng.

\* *Nguyễn Bình (1918–1966), quê tại Vụ Bản, Nam Định.*

*Thanh Tâm Tuyền*

HÃY CHO ANH KHÓC BẰNG MẮT EM  
NHỮNG CUỘC TÌNH DUYÊN BEDA-  
PEST

Hãy cho anh khóc bằng mắt em  
Những cuộc tình duyên Budapest  
Anh một trái tim em một trái tim  
Chúng kéo đầy đường chiến xa đại bác  
Hãy cho anh giận bằng ngực em  
Như chúng bắn lửa thép vào  
Môi son họng súng  
Mỗi ngã tư mặt anh là hàng rào

Hãy cho anh la bằng cổ em  
Trời mai bay rục rỡ  
Chúng nó say giết người như gạch ngói  
Như lòng chúng ta thèm khát tương lai  
Hãy cho anh run bằng má em  
Khi chúng đóng mọi đường biên giới  
Lùa những ngón tay vào nhau  
Thân thể anh chờ đợi  
Hãy cho anh ngủ bằng trán em  
Đau đầu đạn  
Đêm không bao giờ không bao giờ đêm  
Chúng tấn công hoài những buổi sáng  
Hãy cho anh chết bằng da em  
Trong dây xích chiến xa tội nghiệp  
Anh sẽ sống bằng hơi thở em  
Hỡi những người kế tiếp

Hãy cho anh khóc bằng mắt em  
Những cuộc tình duyên Budapest

12-56

\* Trích trong tập “Liên Đêm Mặt Trời Tìm Thấy”.

*Nam Chi*

HƠI THỞ, HƠI THỞ

*nhân đọc một tác giả*

Thơ hay, nhiều lúc tình cờ,  
Thần thơ thơ thần, ai ngờ thơ hay.  
Thơ hay là bởi thơ hay  
Ai ngờ được lúc mây bay vào hồn.

Thơ hay là ngọn gió còn  
Dồn cơn chớp biển mưa nguồn làm thơ;  
Thơ làm như tỉnh như mơ,  
Làm thơ như thở

như thơ chưa làm

*Tháng 11-87*

\* *Nam Chi là bút hiệu của nhà phê bình  
Đặng Tiến.*

*Lê Giang Trần*

HỘI CHỨNG NHỚ

nhớ quê nhớ biển nhớ đồng  
nhớ Honda lạng lạng vòng thành đô  
nhớ thành vòng phép kim cô  
siết trên đầu lúc bơ vơ xứ người

níu cô bùng rượu mời ngồi  
cho đau nhức nhớ bốc hơi khỏi đầu  
cụng ly cái cốc yêu cầu  
em lên hát bản nhạc nào cho dzui.

Nguyễn Đình Chính  
GƯƠNG MẶT THẬT  
CỦA TÌNH YÊU

Đã nhiều lần anh muốn hái tặng  
em những bông hoa ngoài bãi sông  
những bông hoa không có tên, những

bông hoa có mùi của đất bùn  
có mùi của ánh nắng, có mùi  
của những cơn gió không hề biết

do dự, những bông hoa có một  
cuộc đời ngắn, ngắn ngủi quyết  
liệt, chúng chỉ sống có một ngày

chúng nở tung cánh vào lúc bình  
minh khi đất trời rạng sáng và  
chúng rụng cánh tả tơi tàn lụi

khi mặt trời lặn xuống. Đã nhiều  
lần anh lại muốn choàng lên vai  
em chiếc ba lô bụi và kéo

em đi lang thang bất cần cùng  
trời cuối đất. Đêm mùa hè ta  
nằm bên nhau giống như hai con

đế nhỏ cùng uống những giọt sương  
đêm đang lặng lẽ rơi xuống từ  
bầu trời cao bí ẩn, chúng ta

sẽ bắt chợt nhìn thấy rất rõ  
gương mặt thật của tình yêu mà  
bao nhiêu năm tháng qua anh và

em vẫn mê mãi tuyệt vọng đi tìm

(Trích trong tập thơ *Chọc Chọc*, Tan Hình  
Thuc publishing club, Hà Nội 2010)

Lý Thừa Nghiệp  
VỪA SINH VỪA TỬ

Vừa sinh vừa tử chìm nổi linh đình  
trên bức phù điêu bốn biển  
thiên na rụng bông bèo  
trùng dương tư mùa sỏi bọt.

Từ bi tâm xanh lên từng táng lá  
từng mảng mùa thu trôi trong tách cà phê  
melbourne vừa đưa tang mùa hạ.

Chào em mong manh hoa cúc  
ôi hạnh phúc quá xanh  
trên nãi chuối chín trên mỗi trang kinh  
chúng chúng hà sa bồ tát hiện.

Vũ khúc duyên sinh  
lung linh 3 ngàn thế giới.

Bàn tay mưa rào  
vẽ bức tranh thủy mặc  
phún thạch nhuộm nâu đồi trà nhuộm vàng lâu cát  
nhuộm hồng biển đông rừng đước hát thiên ca  
trái tim ta ôi vùng mây xanh hoang dã.

Ngồi đây em bờ cỏ này bến phà xưa  
vạt áo cũu long giang vẫn bông bèo từng ngọn gió  
phương đông vỗ cánh  
linh thú sơn  
phát phơ ngọn phượng tánh  
tâm đồng ngang thiên địa.